



Rạng Đông

CATALOGUE

SẢN PHẨM LED CÔNG TRÌNH DỰ ÁN

2022





LỜI GIỚI THIỆU

Các kiến trúc sư, các nhà thiết kế hiện đại coi "chất liệu ánh sáng" là một loại chất liệu thành tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng thẩm mỹ cho công trình của mình.

Chiếu sáng không chỉ làm chức năng đảm bảo điều kiện tiện nghi, đủ ánh sáng phù hợp với công việc lao động, sinh hoạt của con người, bảo đảm vệ sinh thị giác mà còn góp phần tạo bầu không khí, môi trường làm nên phản ứng tâm lý tích cực, biến đổi trạng thái xúc cảm, tạo ấn tượng thẩm mỹ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm năng lượng điện.

Trải qua lịch sử hơn 50 năm liên tục phát triển, đặc biệt hơn 20 năm tái cấu trúc toàn diện, hiện đại hóa, Công ty CP BDPN Rạng Đông đã được đầu tư nhiều dây chuyền sản xuất hiện đại, nhiều công nghệ sản xuất tiên tiến. Với Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm hợp chuẩn ISO/IEC 17025:2005, với Trung tâm R&D chiếu sáng tập hợp nhiều Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sỹ đầu ngành nghiên cứu ra các dòng sản phẩm LED, sản phẩm LED Smartlighting từ đó xây dựng Hệ thống & Giải pháp chiếu sáng xanh trong công trình phù hợp QCVN 09:2017/BXD, QCVN 12:2014/BXD và TCVN 7114:2008.

"Giải pháp chiếu sáng tiện nghi và tiện ích trong các loại công trình xây dựng thông thường" với kỳ vọng là một chất liệu thành tố góp phần cùng các nhà thiết kế tham gia các công trình xây dựng xanh, các tòa nhà xanh của ngành xây dựng Việt Nam.

MỤC LỤC

ĐÈN LED DOWNLIGHT AT16	6	ĐÈN LED CHỈ DẪN.....	38
ĐÈN LED DOWNLIGHT AT04	7	ĐÈN LED KHẨN CẤP	38
ĐÈN LED DOWNLIGHT XOAY GÓC	8	ĐÈN LED GẮN TƯỜNG.....	40
ĐÈN LED DOWNLIGHT COB	9	ĐÈN LED ỚP TƯỜNG.....	41
ĐÈN LED DÂY	11	ĐÈN LED TRACKLIGHT 04	43
BÓNG ĐÈN LED TUBE THỦY TINH	13	ĐÈN LED TRACKLIGHT 05	43
BÓNG ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA	14	ĐÈN LED TRACKLIGHT 06	43
BỘ ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA	14	ĐÈN LED HIGHBAY HB02	45
BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA.....	15	ĐÈN LED HIGHBAY UFO	46
BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH	15	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02	48
BỘ ĐÈN LED M26	17	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 05	50
BỘ ĐÈN LED M36	18	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 06	51
BỘ ĐÈN LED M38	18	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08	52
BỘ ĐÈN LED LINEAR.....	19	ĐÈN LED CHIẾU PHA 06	54
BỘ DRIVER LED LINEAR.....	19	ĐÈN LED CHIẾU PHA NLMT	57
BỘ PHỤ KIỆN LED LINEAR.....	19	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NLMT	59
BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM	21	BỘ ĐÈN LED CHỐNG NỔ.....	62
ĐÈN LED ỚP TRẦN LN08	23	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG CÂY XĂNG.....	62
ĐÈN LED ỚP TRẦN LN09	24	BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC	64
ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐẾ NHỰA LN12N.....	25	BỘ ĐÈN LED TUBE HỌC ĐƯỜNG	65
ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12	27	MÁNG ĐÈN	66
ĐÈN LED ỚP TRẦN LN16	29	CHAO ĐÈN	68
ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐỔI MÀU.....	29	ĐÈN LED ỚP TRẦN CẢM BIẾN LN08.....	70
ĐÈN LED PANEL VUÔNG PN04	31	ĐÈN LED ỚP TRẦN CẢM BIẾN LN09.....	70
ĐÈN LED PANEL P06	31	ĐÈN LED ỚP TRẦN CẢM BIẾN LN12.....	71
ĐÈN LED PANEL P07	32	ĐÈN LED DOWNLIGHT CẢM BIẾN.....	72
ĐÈN LED PANEL LẮP NỔI P05.....	33	ĐÈN LED PANEL DỰ PHÒNG	72
ĐÈN LED PANEL PT04	34	ĐÈN LED DOWNLIGHT DỰ PHÒNG	73
ĐÈN LED GƯƠNG CẢM BIẾN.....	36	ĐÈN LED ỚP TRẦN DỰ PHÒNG	74
		BỘ ĐÈN LED DỰ PHÒNG	74



ĐÈN LED DOWNLIGHT



Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ:
phòng ngủ, phòng bếp...



Chiếu sáng TTTM, siêu thị:
Sảnh, khu mua bán chung...



Chiếu sáng hành lang các
khu vực



Chiếu sáng khu VP:
Phòng họp, hành lang,
tiền sảnh, WC...



Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 50-60% điện năng thay thế đèn downlight compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 25000÷30000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần so với đèn downlight compact, không hạn chế số lần tắt bật

Ứng dụng

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng ngủ, phòng bếp....
- Chiếu sáng khu văn phòng: Phòng họp, hành lang, tiền sảnh, WC...
- Chiếu sáng trung tâm thương mại, siêu thị: Sảnh, khu mua bán chung...
- Chiếu sáng hành lang các khu vực

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

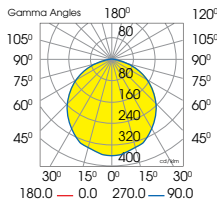
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng 150÷250V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân vỏ chất liệu nhôm thuần được phủ lớp sơn nano: cho màu sắc tương đồng với màu sắc hệ trần thạch cao, trần nhôm.
- Nguồn rời: giảm độ dày của đèn phù hợp lắp trần thạch cao có khoảng cách giữa trần bê tông và trần thạch cao thấp.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 82): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷45°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đối gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/ IEC 60598-1.

ĐÈN LED DOWNLIGHT AT16

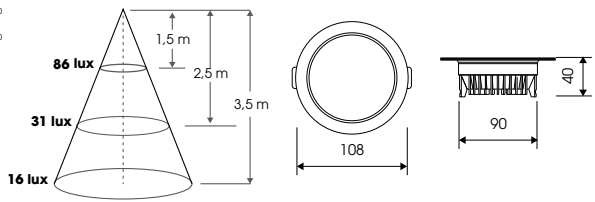
AT16 90/7W.DA



PHÂN BỐ QUANG



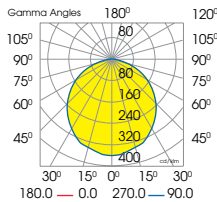
LƯỚI ĐỘ RỌI



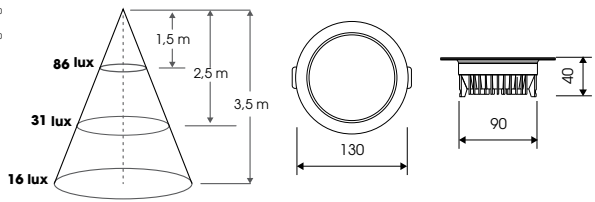
AT16 110/7W.DA



PHÂN BỐ QUANG



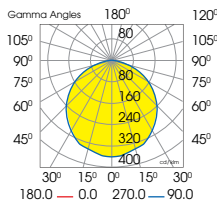
LƯỚI ĐỘ RỌI



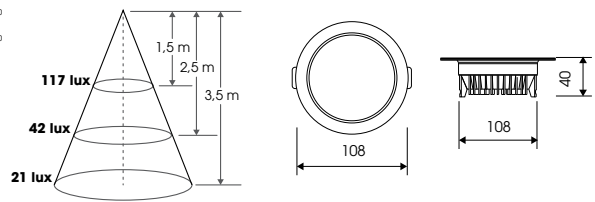
AT16 90/9W.DA



PHÂN BỐ QUANG



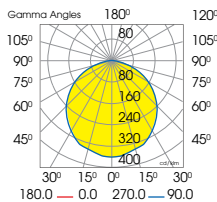
LƯỚI ĐỘ RỌI



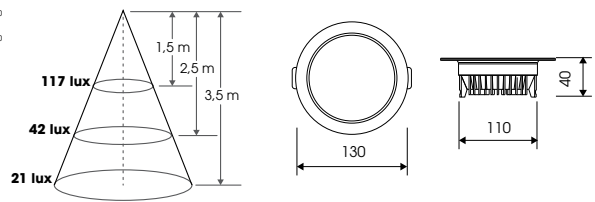
AT16 110/9W.DA



PHÂN BỐ QUANG



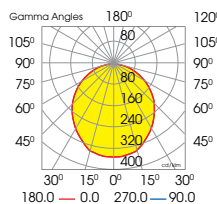
LƯỚI ĐỘ RỌI



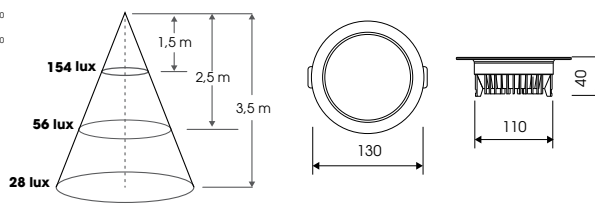
AT16 110/12W.DA



PHÂN BỐ QUANG

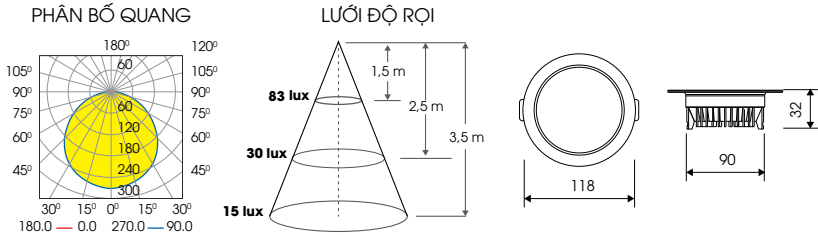


LƯỚI ĐỘ RỌI

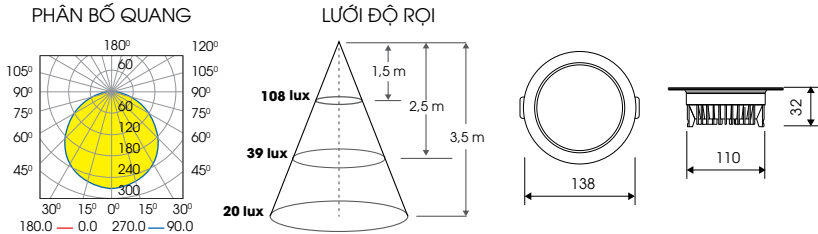


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)	Bảo hành	Số lượng sp/thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm	năm	cái	kg
AT16 90/7W.DA	7	150÷250	0.5	85	600	3000/4000/6500	85	30000	108x40	90	3	24	4.2
AT16 110/7W.DA	7	150÷250	0.5	85	600	3000/4000/6500	85	30000	130x40	110	3	12	3.0
AT16 90/9W.DA	9	150÷250	0.5	85	760	3000/4000/6500	85	30000	108x40	90	3	24	4.2
AT16 110/9W.DA	9	150÷250	0.5	85	765	3000/4000/6500	85	30000	130x40	110	3	12	3.0
AT16 110/12W.DA	12	150÷250	0.5	76/85/85	920/1020/1020	3000/4000/6500	85	30000	130x40	110	3	12	3.2

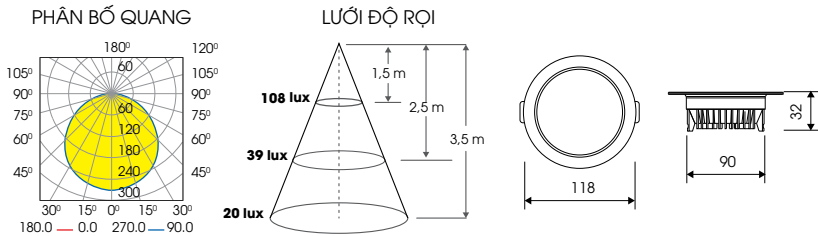
AT04 90/7W.DA



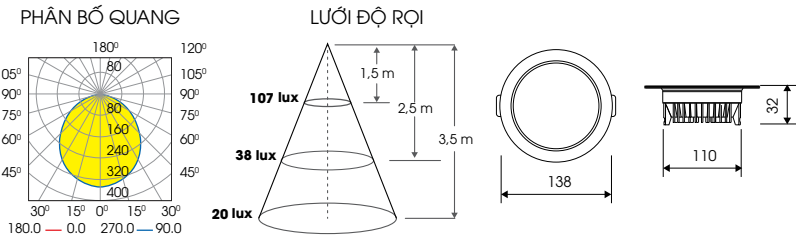
AT04 110/7W.DA



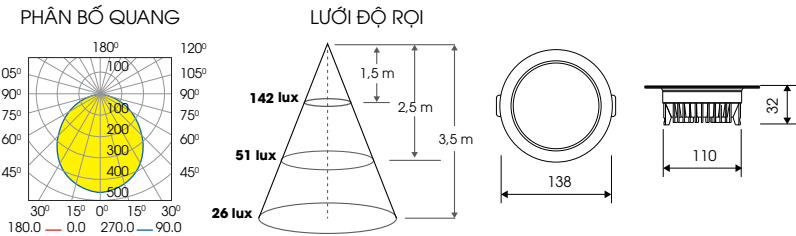
AT04 90/9W.DA



AT04 110/9W.DA



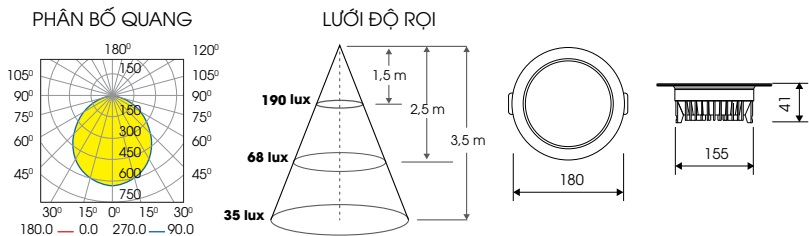
AT04 110/12W.DA



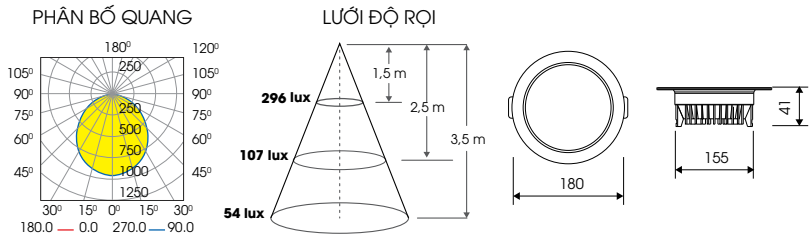
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)	Bảo hành	Số lượng sp/thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm	năm	cái	kg
AT04 90/7W.DA	7	150 ÷ 250	0.5	71/75	500/525	3000/4000/6500	80	30000	118x32	90	3	24	4.6
AT04 110/7W.DA	7	150 ÷ 250	0.5	71/75	500/525	3000/4000/6500	80	30000	138x32	110	3	12	3.1
AT04 90/9W.DA	9	150 ÷ 250	0.5	70/75	630/675	3000/4000/6500	80	30000	118x32	90	3	24	4.6
AT04 110/9W.DA	9	150 ÷ 250	0.5	70/75	630/675	3000/4000/6500	80	30000	138x32	110	3	12	3.1
AT04 110/12W.DA	12	150 ÷ 250	0.5	80/83	960/1000	3000/4000/6500	80	30000	138x32	110	3	12	3.1



AT04 155/16W.DA



AT04 155/25W.DA

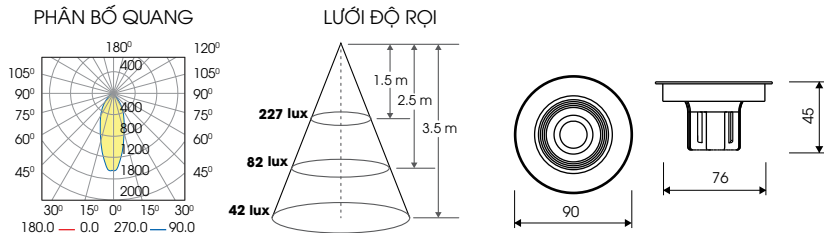


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)	Bảo hành	Số lượng sp/thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm	năm	cái	kg
AT04 155/ 16W.DA	16	150 ÷ 250	0.5	80/ 85	1280/ 1360	3000/ 4000/ 6500	80	30 000 (L70)	180x41	155	3	12	5.2
AT04 155/ 25W.DA	25	150 ÷ 250	0.5	80/ 85	2000/ 2125	3000/ 4000/ 6500	80	30 000 (L70)	180x41	155	3	12	5.2

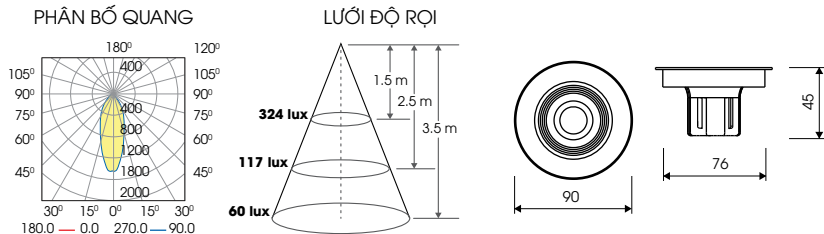
ĐÈN LED DOWNLIGHT XOAY GÓC



AT02XG 76/4.5W.DA



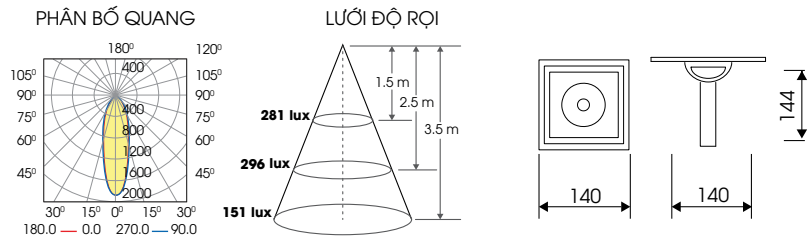
AT02XG 76/6.5W.DA



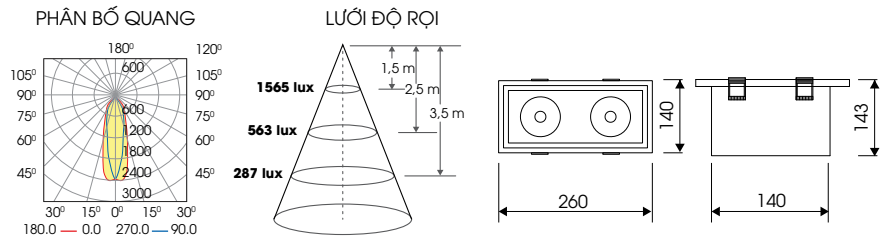
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)	Bảo hành	Số lượng sp/thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm	năm	cái	kg
AT02XG 76/ 4.5W.DA	4.5	150÷250	0.5	78	350	6500/ 4000/ 3000	82	30 000 (L70)	90x45	76	3	24	2.2
AT02XG 76/ 6.5W.DA	6.5	150÷250	0.5	77	500	6500/ 4000/ 3000	82	30 000 (L70)	90x45	76	3	24	2.2

ĐÈN LED DOWNLIGHT COB

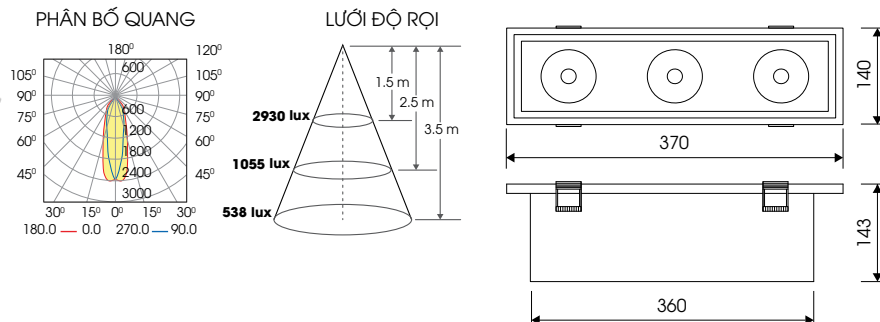
AT12 125x125/9Wx1.DA



AT12 240x125/9Wx2.DA



AT12 240x125/9Wx2.DA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)	Bảo hành
	W	V		lm / W	lm	K		giờ	mm	mm	năm
AT12 125x125/9Wx1.DA	9	100÷240	0.5	100	900	4000	82	30000	140x140x144	125x125	3
AT12 240x125/9Wx2.DA	9x2	100÷240	0.5	105	1710	4000	82	30000	260x140x143	240x125	3
AT12 360x125/9Wx3.DA	9x3	100÷240	0.5	90	2400	4000	82	30000	370x140x143	360x125	3



ĐÈN LED DÂY

Ưu điểm

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc, hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chống nước tốt IP65
- Thời gian sử dụng lên đến 6 năm, bảo hành 2 năm

Ứng dụng

- Chiếu sáng trong nhà: Phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp ...
- Chiếu sáng ngoài trời: Cây cối, tòa nhà, cảnh quan...

LD01 1000/7W



DR-LD01 1000/7W



LD01 1000/9W



DR-LD01 1000/9W



LD01 ĐM 1000/9W



DR-LD01 DM 1000/9W



LD01.B 1000/7W



LD01.R 1000/7W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Tính năng	Bảo hành	Số lượng sp/thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm	K			giờ	mm			cái	kg
LD01 1000/7W	7	150÷250	0.9	300	3000/6500	IP65	80	25 000	14x8		2	1	5.7
DR-LD01 1000/7W	500 (max)	150÷250				IP65					2		
LD01 1000/9W	9	150÷250	0.9	700	3000/6500	IP65	80	25 000	18x9		2	1	8
DR-LD01 1000/9W	500 (max)	150÷250				IP65					2		
LD01 ĐM 1000/9W	9	150÷250	0.9	600	3000/4000/6500	IP65	80	25 000	18x9	Đổi 3 màu	2	1	8
DR-LD01 DM 1000/9W	500 (max)	150÷250		600		IP65					2		
LD01.R 1000/7W	7	150÷250	0.9	700	Á/s màu đỏ	IP65	80	25 000	13x7		2	1	
LD01.B 1000/7W	7	150÷250	0.9	700	Á/s màu xanh	IP65	80	25 000	13x7		2	1	



ĐÈN/BỘ ĐÈN LED TUBE

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng 150÷250V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao ($Ra = 82$): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \div 40^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62776-9-1:2015.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 60% điện năng thay thế đèn huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ (L70), cao gấp 3-4 lần so với đèn huỳnh quang T8, T10 sử dụng ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật

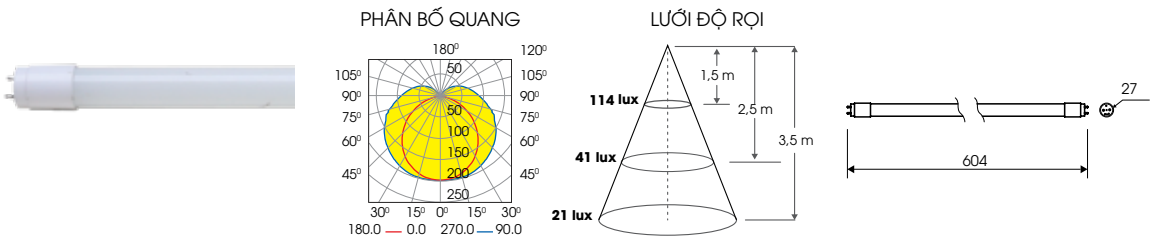
Ứng dụng

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: Phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp...
- Chiếu sáng khu văn phòng: Phòng họp, hành lang...
- Chiếu sáng trung tâm thương mại, siêu thị: Sảnh, khu mua bán chung...
- Chiếu sáng bệnh viện: Phòng bệnh nhân, phòng chờ, phòng khám...

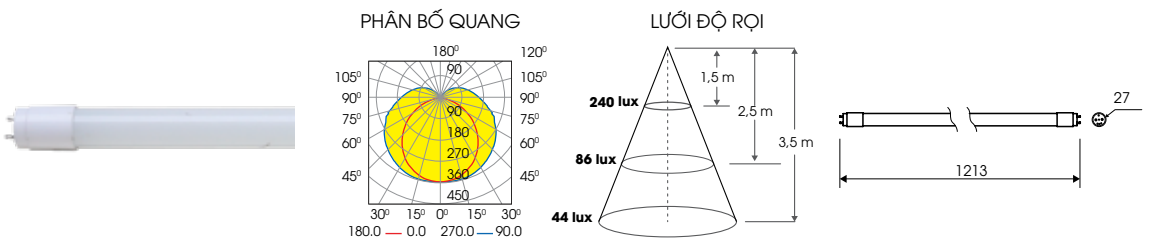
BÓNG ĐÈN LED TUBE THỦY TINH

BÓNG ĐÈN LED TUBE

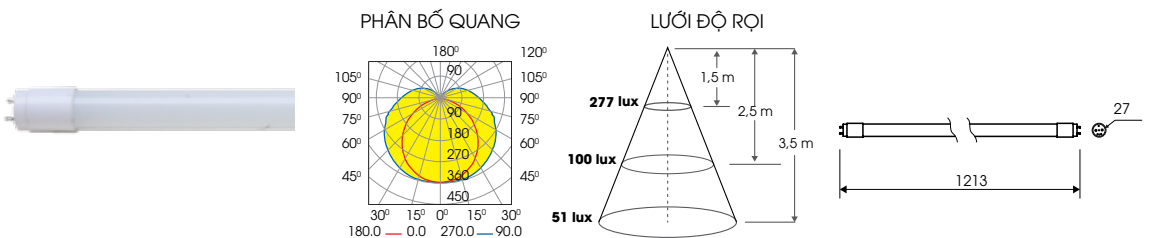
T8 TT01 600/10W



T8 TT01 1200/20W



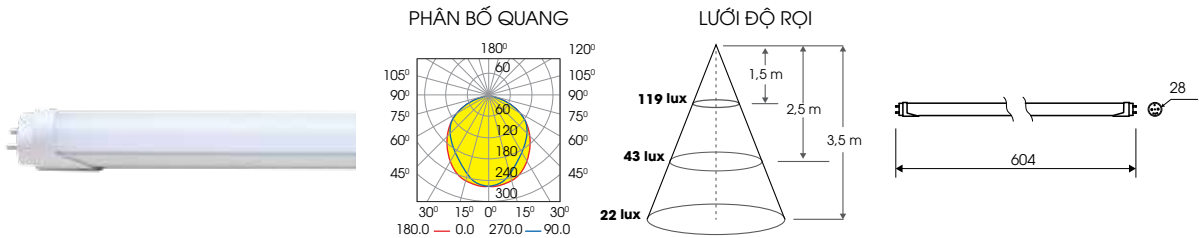
T8 TT01 1200/20W.H



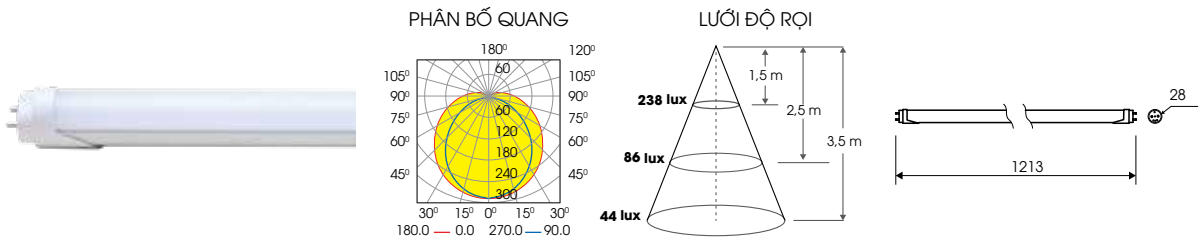
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)	Bảo hành	Số lượng sp/ thùng	Khối lượng thùng
T8 TT01 600/ 10W	10	150÷250	0.5	100/ 110	1000/ 1100	3000/ 6500	82	30000	27x604	3	20	4.0
T8 TT01 1200/ 20W	20	150÷250	0.9	110/ 130	2200/ 2600	3000/ 6500	82	30 000	26x1213	2	20	4.0
T8 TT01 1200/ 20W.H	20	170÷250	0.5	140/ 150	2800/ 3000	3000/ 6500	82	30000	27x1213	2	20	4.6

BÓNG ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA

T8 600/10W

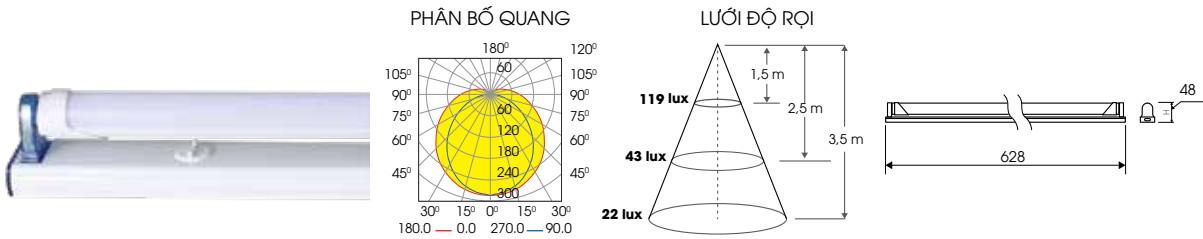


T8 1200/20W

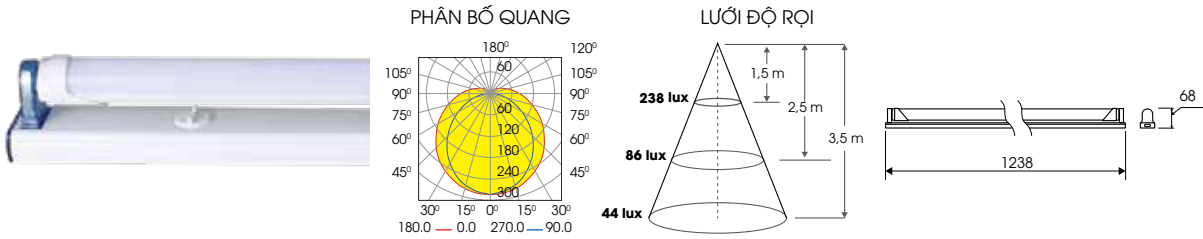


BỘ ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA

T8 M11/10Wx1.DA

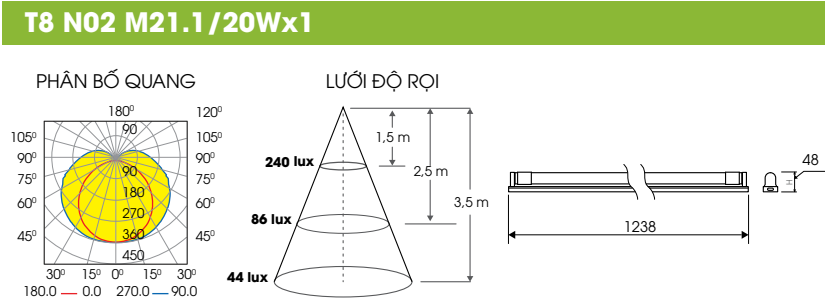
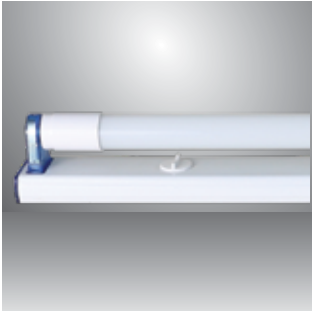


T8 M11/20Wx1.DA

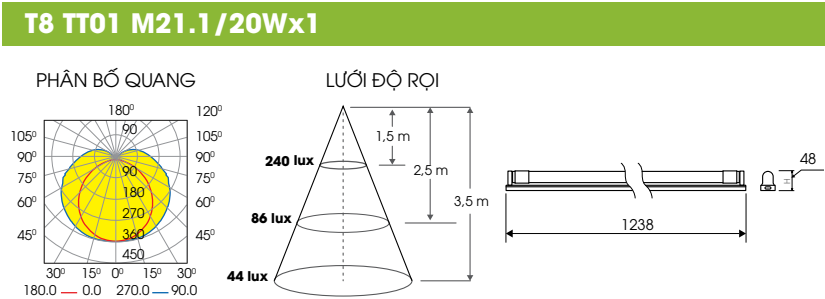
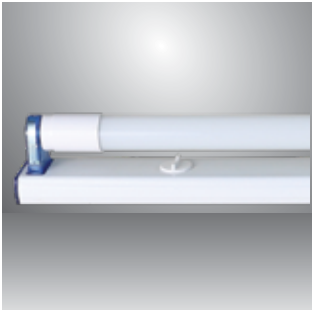
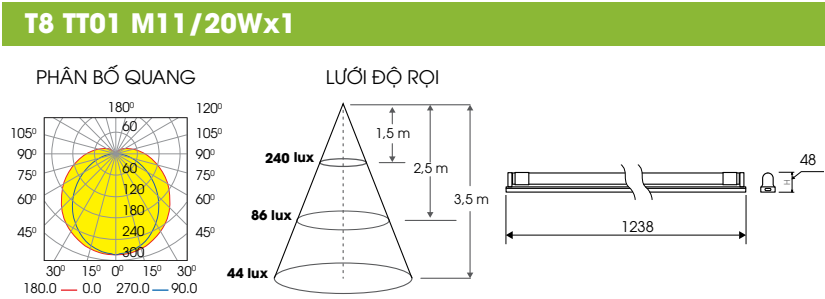
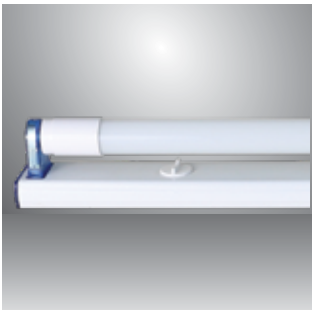
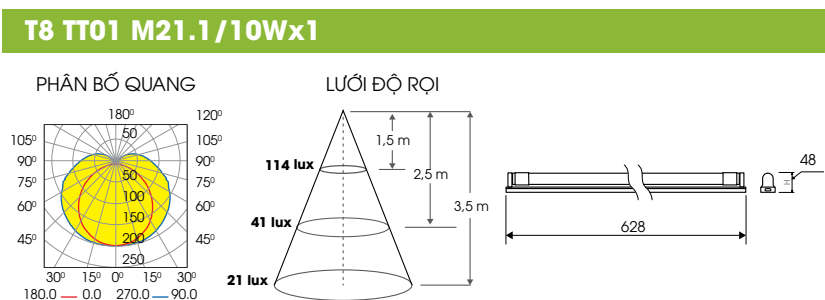
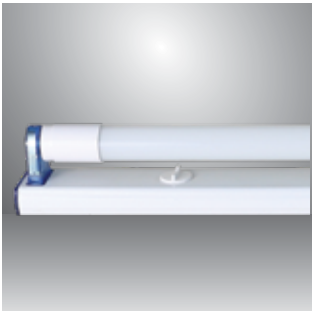


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)	Bảo hành	Số lượng sp/ thùng
	W	V		lm/ W	lm	K		giờ	mm	năm	cái
T8 600/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/6500	82	30000	28x604	3	20
T8 1200/20W	20	170÷250	0.5	140/150	2800/3000	3000/6500	82	30000	28x1213	2	20
T8 M11/10Wx1.DA	10	150-250	0.5	85	1000	3000/6500	82	30000	48x628	2	20
T8 M11/20Wx1.DA	20	150-250	0.5	100	2300	3000/6500	82	30000	48x1238	2	20

BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA



BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 M21.1/10Wx1	10	170 ÷ 250	0.5	100/110	1000/1100	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x628
T8 TT01 M11/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	110/120	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238
T8 TT01 M21.1/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	120/130	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238

BỘ ĐÈN LED M26 M36



Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 60% điện năng thay thế bộ đèn bóng huỳnh quang bóng T8, T10 ballast sắt từ, điện tử. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 25 000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần bộ đèn huỳnh quang bóng T8, T10 ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật

Ứng dụng

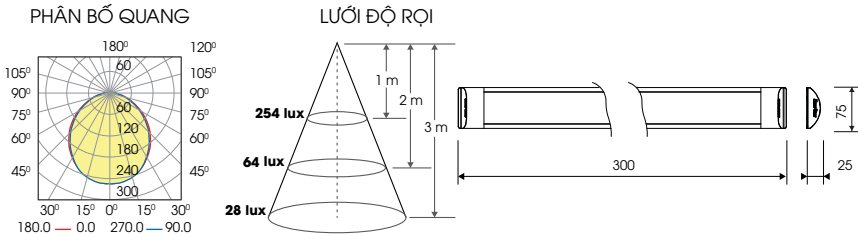
- Chiếu sáng khu văn phòng: Phòng làm việc, phòng họp, hội trường,...
- Chiếu sáng bệnh viện: Sảnh chung, phòng khám, phòng chờ,...

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

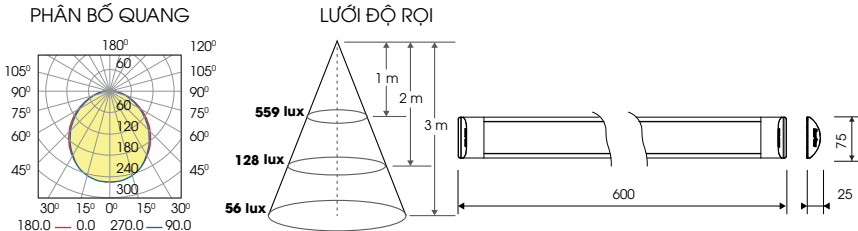
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150 ÷ 250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ của sản phẩm.
- Mặt tán xạ mica: hệ số truyền sáng cao, tạo phân bố ánh sáng đều trên bề mặt, giảm độ chói, góc mở rộng.
- Đèn có IP40: Đèn kín khí, hạn chế côn trùng.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng: đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 82): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C ÷ 40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

BỘ ĐÈN LED M26

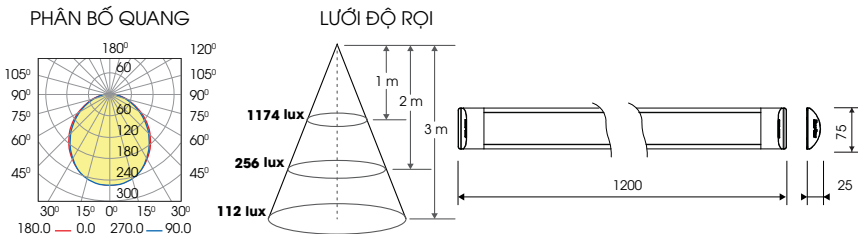
M26 300/9W



M26 600/20W



M26 1200/40W



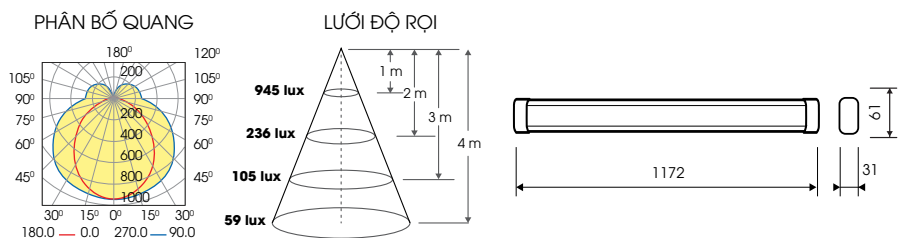
BỘ ĐÈN LED M26

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Bảo hành	Số lượng sp / thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	năm	cái	kg
M26 300/9W	9	150÷250	0.5	73/83/83	700/750/750	3000/4000/6500	80	30000	300x75x25	3	8	1.6
M26 600/20W	20	150÷250	0.5	90/100/100	1800/2000/2000	3000/4000/6500	80	30000	600x75x25	3	8	2.9
M26 1200/40W	40	150÷250	0.5	90/100/100	3600/4000/4000	3000/4000/6500	80	30000	1200x75x25	3	8	5.4

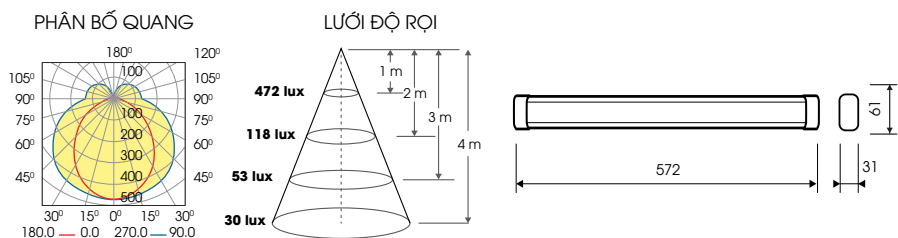
BỘ ĐÈN LED M36



M36 1200/40W



M36 600/20W

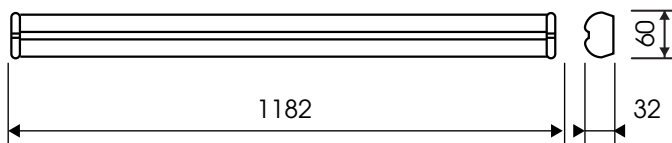


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Bảo hành	Số lượng sp / thùng	Khối lượng thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	năm	cái	kg
M36 1200/40W	40	150÷265	0.5	100	4000	3000/4000/6500	80	25000	1272x61x31	2	12	7.1
M36 600/20W	20	150÷250	0.5	100	2000	3000/4000/6500	80	25000	572x61x31	2	12	4.3

BỘ ĐÈN LED M38



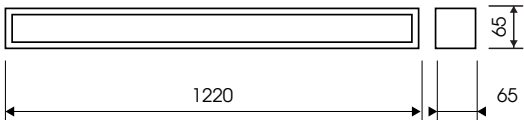
M38 1200/40W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Bảo hành	Số lượng sp / thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	năm	cái
M38 1200/40W	40	150÷250	0.5	130	5200	3000/4000/6500	80	25000	1182x60x32	2	12

BỘ ĐÈN LED LINEAR

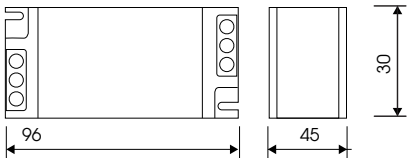
LR01 1000/20W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Bảo hành	Số lượng sp / thùng
	W	V		lm	K		giờ	mm	năm	cái
LR01 1000/20W	20	150÷250	0.5	1300	3000/6500	80	25000	1220x65	2	12

BỘ DRIVER LED LINEAR

DR-LR01 50W (24VDC)



Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào Max	Dòng điện đầu ra Max	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	VDC	A		A	A	Giờ	mm
DR-LR01 50W (24VDC)	50	150÷250	50/60	0,5	0,6	1.85	30000	(96x45x30)±5

BỘ PHỤ KIỆN LED LINEAR

PK T-LR01 300x100/8W

PK L-LR01 220x220/8W

PK V-LR01 210x210/8W



Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Chiều rộng khoét trần
	W	VDC	A	lm	K		Giờ	mm	mm
PK T-LR01 300x100/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK L-LR01 220x220/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK V-LR01 210x210/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2



BỘ ĐÈN LED CHỐNG ẨM

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 67% điện năng thay thế bộ đèn chống ẩm bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 25 000 giờ (L70), cao gấp 3-4 lần bộ đèn chống ẩm bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật

Ứng dụng

- Chiếu nhà xưởng, kho hàng,...
- Lắp đặt treo thả

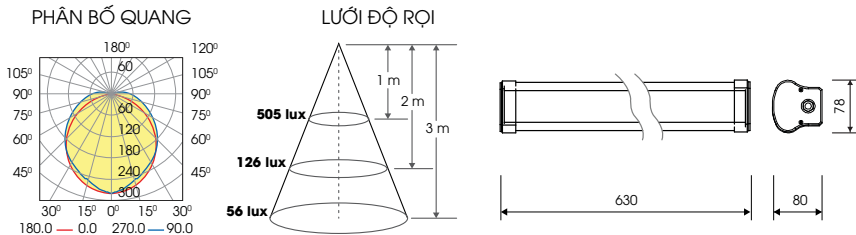
Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150 ÷ 250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Mặt tán xạ mica: hệ số truyền sáng cao, tạo phân bố ánh sáng đều trên bề mặt, giảm độ chói, góc mở rộng
- Hệ số trả màu cao (Ra = 82): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009).
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C ÷ 45°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng
- Cấp bảo vệ IP65: sử dụng được ở các khu vực có độ ẩm cao.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1
- Bảo hành 2 năm.

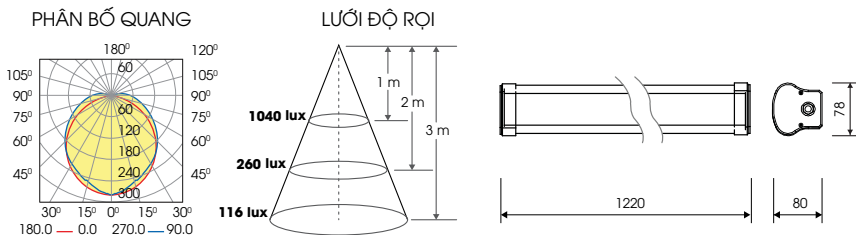
BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM



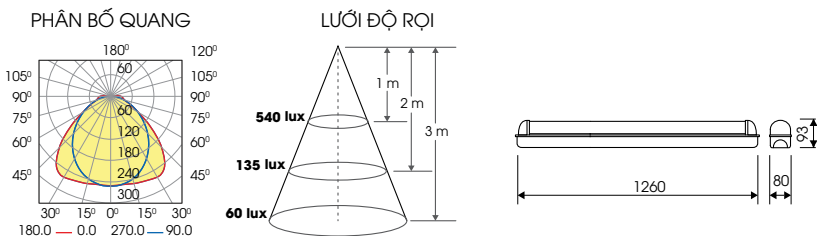
M18 60/18W.DA



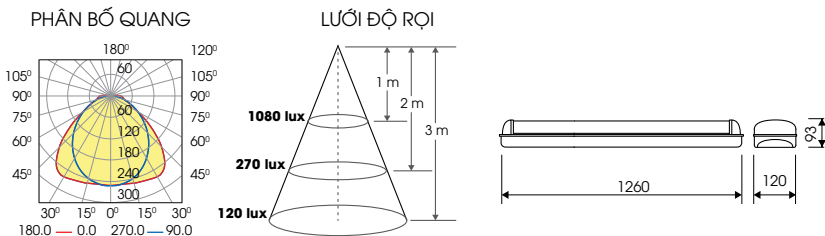
M18 120/35W.DA



CA01 20Wx1.DA



CA01 20Wx2.DA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)	Bảo hành	Số lượng sp/thùng
	W	V		lm/W	lm	K		giờ		mm	năm	cái
M18 60/18W.DA	18	150÷250	0.5	90/95	1620/1700	3000/6500	> 82	30 000 (L70)	IP65	630x80x78	1	6
M18 120/35W.DA	35	150÷250	0.5	90/100	3150/3500	3000/6500	> 82	20 000	IP65	1220x80x78	2	6
CA01 20Wx1.DA	20	150÷250	0.5	100	2000	3000/4000 5000/6500	82	30000 (L70. F50)	IP65	1260x80x93	2	-
CA01 20Wx2.DA	20x2	150÷250	0.5	90	3600	3000/4000 5000/6500	82	30000 (L70. F50)	IP65	1260x120x93	2	-



ĐÈN LED ỐP TRẦN

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250 V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao: cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Mặt tán quang mica: khuếch tán ánh sáng tạo mặt sáng đều, độ truyền sáng cao.
- Đèn có IP40: Đèn kín khí, hạn chế côn trùng.
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C ÷ 45°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 90% điện năng đèn ốp trần bóng sợi đốt, 45 - 50% điện năng thay thế đèn ốp trần dùng bóng compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện.
- Tuổi thọ cao 25 000 giờ (L70), cao gấp 15 lần đèn ốp trần bóng sợi đốt, cao gấp 3-4 lần so với đèn ốp trần bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật

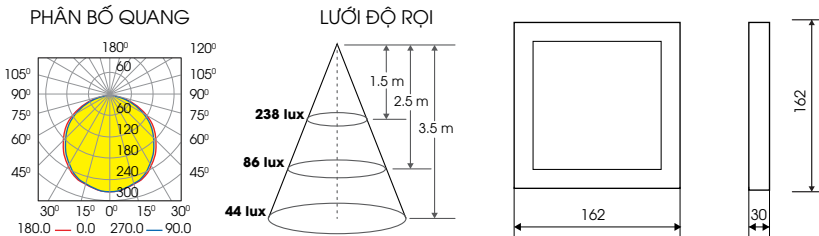
Ứng dụng

- Chiếu sáng hành lang, ban công; căn hộ, tòa nhà, hộ gia đình

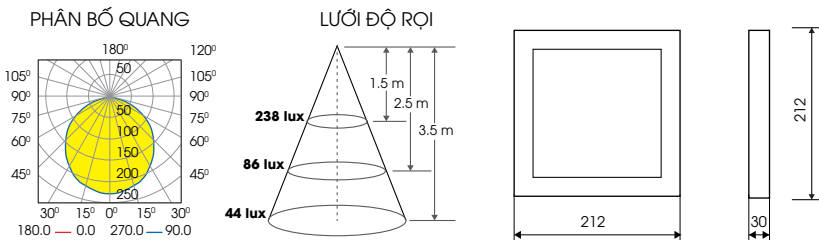
ĐÈN LED ỚP TRẦN LN08



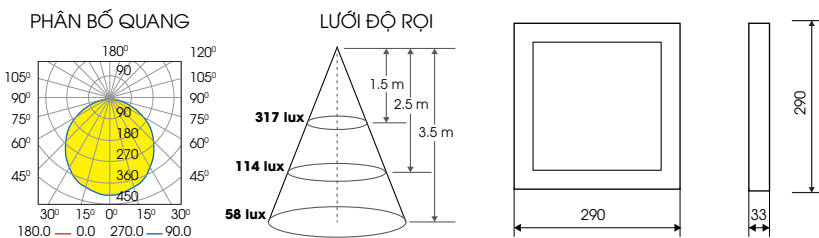
LN08 170x170/12W



LN08 230x230/18W



LN08 300x300/24W

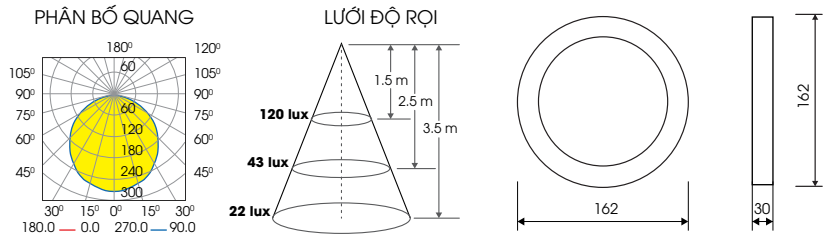


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/12W	12	170 ÷ 250	0.5	50/65	675/750	3000/6500	80	20000	162 x 162 x 30
LN08 230x230/18W	18	150 ÷ 250	0.5	50/61	990/1100	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30
LN08 300x300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	75	1800	3000/6500	80	15000	290 x 290 x 33

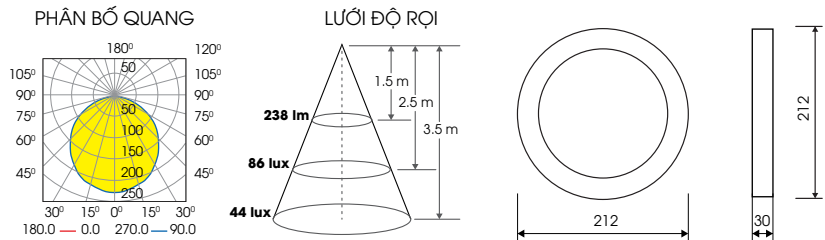
ĐÈN LED ỒP TRẦN LN09



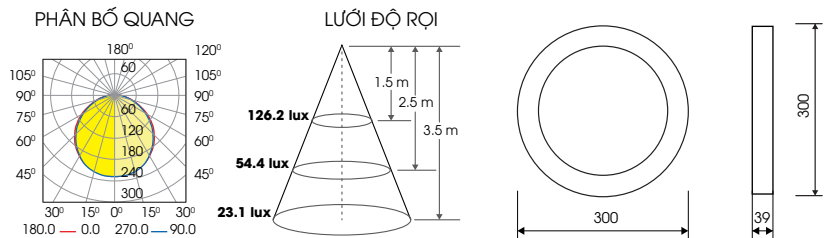
LN09 172/12W



LN09 225/18W



LN09 300/24W



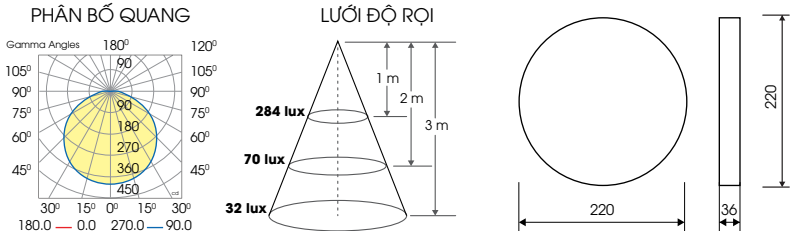
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 172/12W	12	170 ÷ 250	0.5	65	750	3000/6500	80	20000	162 x 162 x 30
LN09 225/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30
LN09 300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	70/75	1800/1900	3000/6500	80	20000	300 x 300 x 39

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐỂ NHỰA LN12N

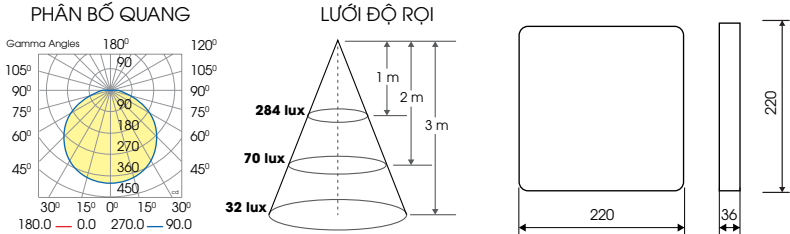
ĐÈN LED ỐP TRẦN



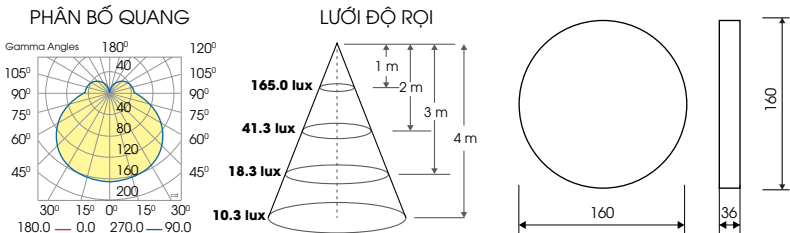
LN12N 220/18W



LN12N 220x220/18W



LN12N 170/12W



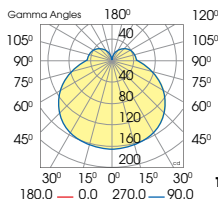
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxW.DAxH)
	W.DA	V		lm / W. DA	lm	K		giờ	mm
LN12N 220 / 18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000 / 6500	80	20000	220x36
LN12N 220x220 / 18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000 / 6500	80	20000	220 x220x36
LN12N 170 / 12W	12	150 ÷ 250	0.5	75 / 68	900 / 810	3000 / 6500	80	25000	160x36

ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐỂ NHỰA LN12N

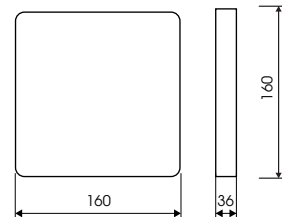
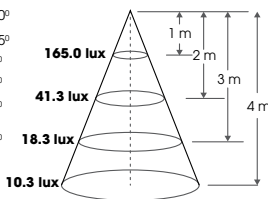


LN12N 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG

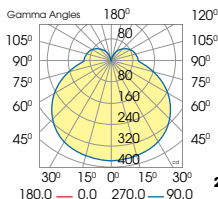


LƯỚI ĐỘ RỌI

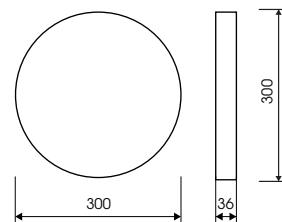
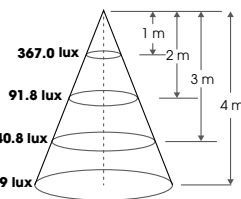


LN12N 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

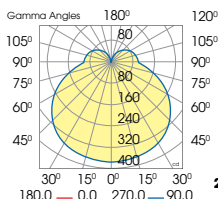


LƯỚI ĐỘ RỌI

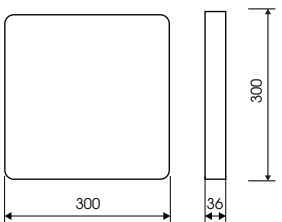
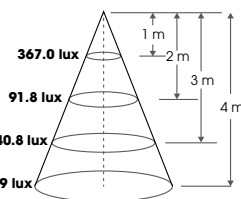


LN12N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

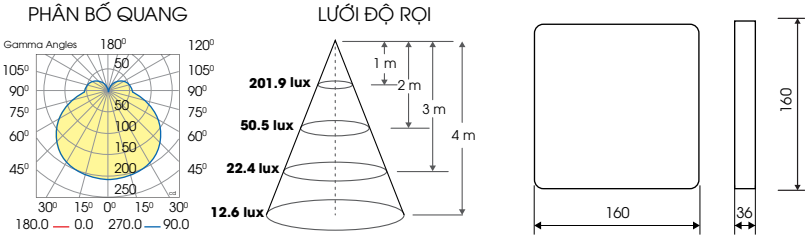


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxW.DAxH)
	W.DA	V		lm/W. DA	lm	K		giờ	mm
LN12N 170x170/ 12W	12	150 ÷ 250	0.5	75/68	900/810	3000/6500	80	25000	160x160x36
LN12N 300/ 24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	2000/1800	3000/6500	80	25000	300x36
LN12N 300x300/ 24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	2000/1800	3000/6500	80	25000	300 x300x36

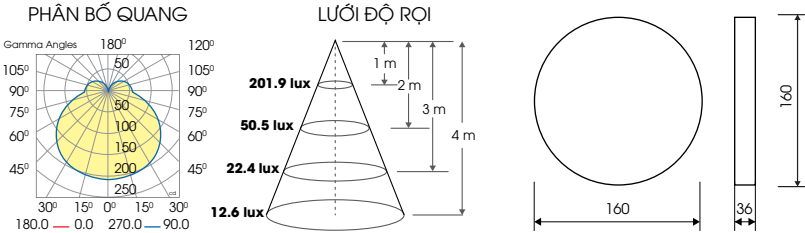
ĐÈN LED ỒP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12



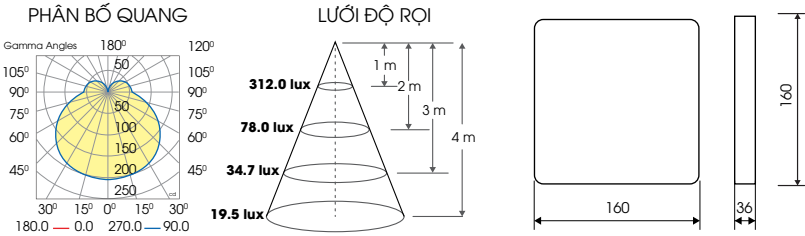
LN12 170x170/15W



LN12 170/15W



LN12 220x220/22W



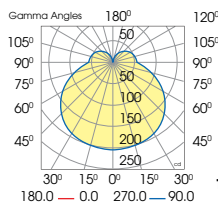
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxW.DAxH)
	W/DA	V		lm/W. DA	lm	K		giờ	mm
LN12 170x170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	1100/990	3000/6500	80	30000	160 x160 x36
LN12 170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	1100/990	3000/6500	80	30000	160 x160 x36
LN12 220x220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1700/1530	3000/6500	80	30000	220 x220 x 36

ĐÈN LED ỒP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12

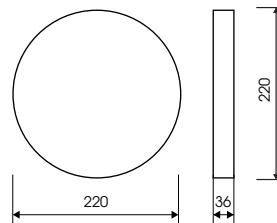
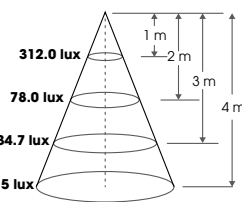


LN12 220/22W

PHÂN BỐ QUANG

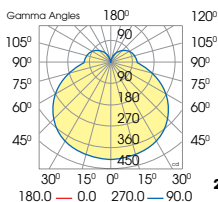


LƯỚI ĐỘ RỌI

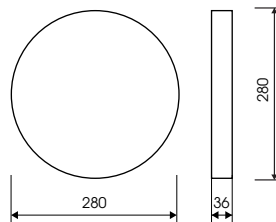
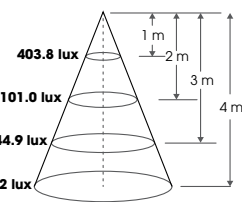


LN12 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG

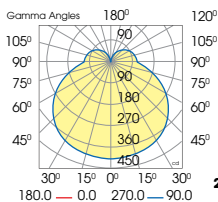


LƯỚI ĐỘ RỌI

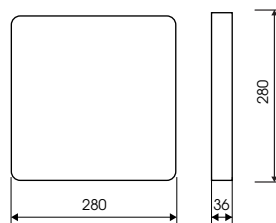
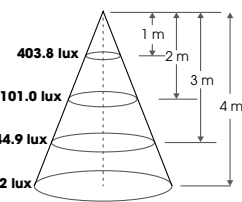


LN12 300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

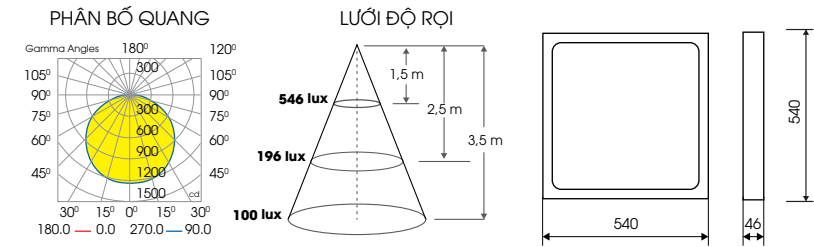


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxW.DAxH)
	W.DA	V		lm/W. DA	lm	K		giờ	mm
LN12 220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1700/1530	6500K/3000K	80	30000	220 x220 x 36
LN12 300x300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280 x280x36
LN12 300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280 x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN LN16



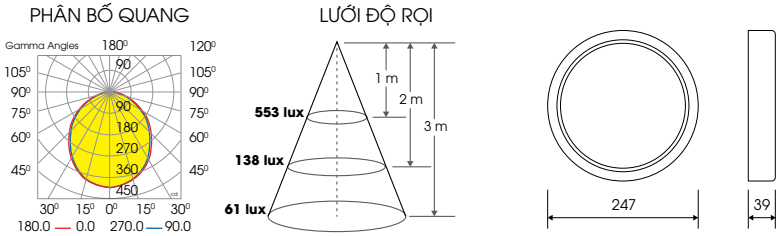
LN16 540x540/40W



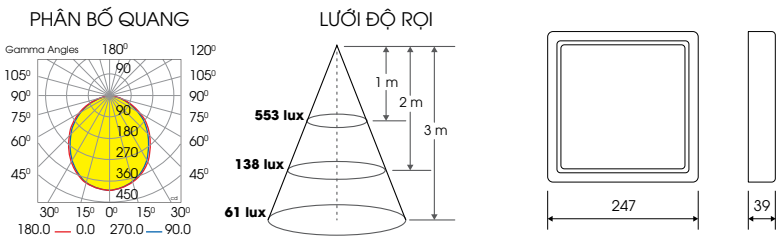
ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐỔI MÀU



LN24 DM 247/24W



LN24 DM 247x247/24W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxDxH)
	W/DA	V		lm	K		giờ	mm
LN16 540x540/40W	40		0.5	3600/4000	6500/3000	80	25000	540x540x46
LN24 DM 247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25,000	247x39
LN24 DM 247x247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25,000	247x247x39



ĐÈN LED PANEL

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250 V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ của sản phẩm.
- Ứng dụng công nghệ chiếu sáng cạnh: công nghệ dẫn sáng trên tấm thủy tinh quang học biến nguồn sáng điểm LED thành nguồn sáng phẳng, phân bố ánh sáng đều trên bề mặt đèn, hạn chế chói lóa.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng: đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Hệ số trả màu cao: cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Đèn có IP40: Đèn kín khít, hạn chế côn trùng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 50 - 60% điện năng thay thế bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật.

Ứng dụng

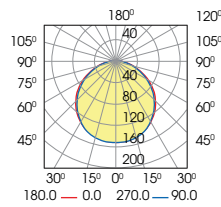
- Chiếu sáng khu văn phòng: Phòng làm việc, phòng họp, hội trường,....
- Chiếu sáng bệnh viện: Sảnh chung, phòng khám, phòng chờ, phòng mổ,....
- Chiếu sáng trong lớp học.
- Lắp đặt: âm trần nổi trần hoặc lắp treo (có bộ giá đèn lắp nổi trần bê tông)

ĐÈN LED PANEL VUÔNG PN04

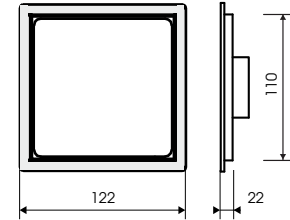
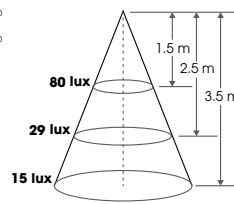


PN04 110x110/9W

PHÂN BỐ QUANG

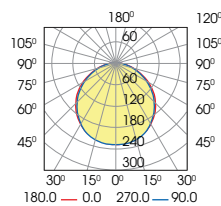


LƯỚI ĐỘ RỌI

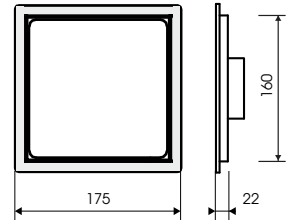
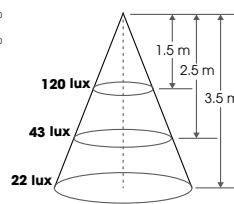


PN04 160x160/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

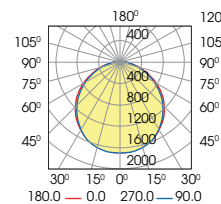


ĐÈN LED PANEL P06

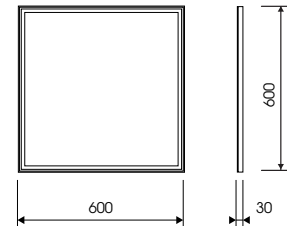
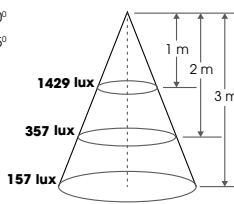


P06 60x60/54W

PHÂN BỐ QUANG

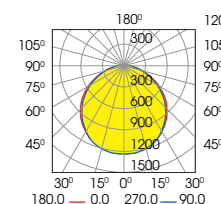


LƯỚI ĐỘ RỌI

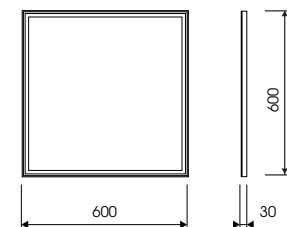
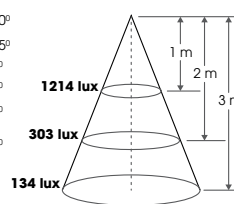


P06 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

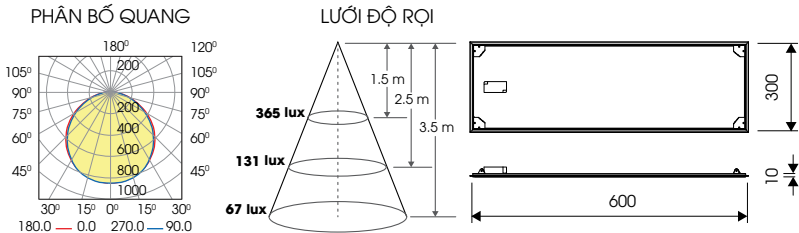


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (WxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
PN04 110x110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	60/66/66	540/600/600	3000K/4000K/6500K	80	20000	110x110	120 x120x22
PN04 160x160/12W	12	150 ÷ 250	0.5	60/66/66	720/800/800	3000K/4000K/6500K	80	20000	160x160	170 x170x22
P06 60x60/54W	54W	150 ÷ 250	0.5	85	4600	6500	80	30 000	-	600x600x35
P06 600x600/40W	40W	150 ÷ 250	0.5	90/100	3600/4000	3000/6500/4000	80	25 000	-	600x600x30

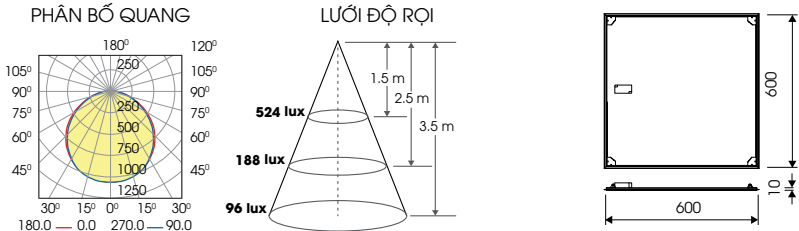
ĐÈN LED PANEL P07



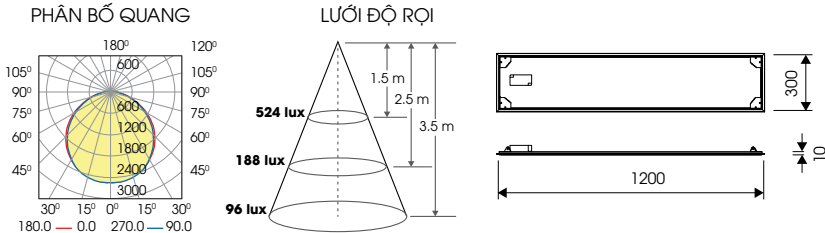
P07 300x600/24W.DA



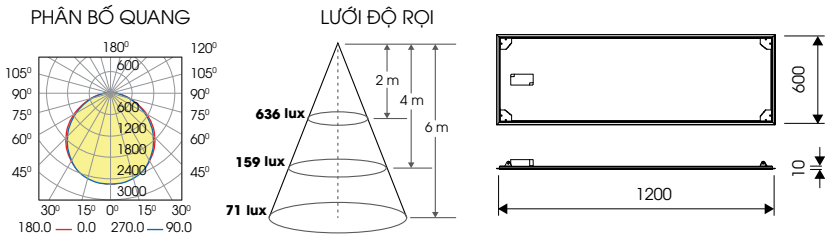
P07 600x600/35W.DA



P07 300x1200/35W.DA



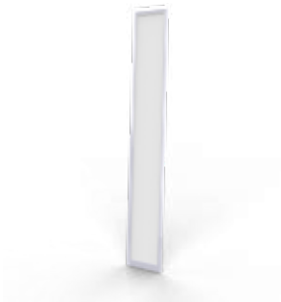
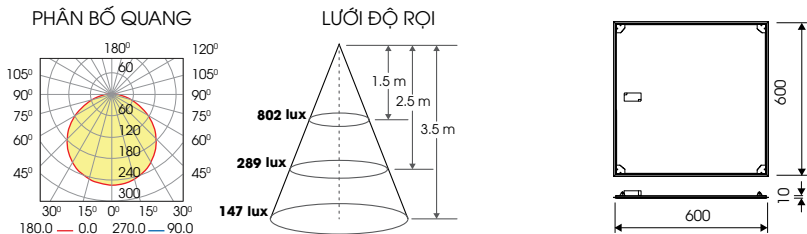
P07 600x1200/75W.DA



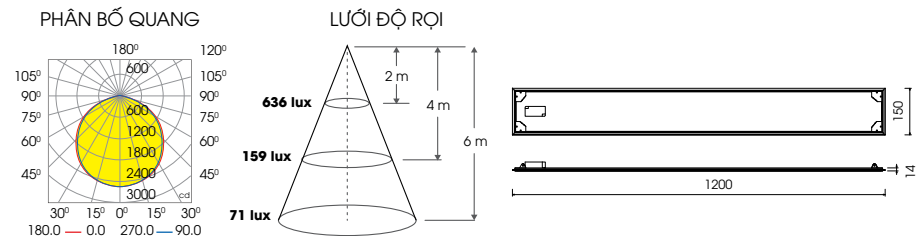
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
P07 300x600/24W.DA	24	150÷250	0.5	95/100/100	2280/2400/2400	3000/4000/6500	85	30000	600x300x10
P07 600x600/35W.DA	35	150÷250	0.9	100/110/110	3500/3850/3850	3000/4000/6500	85	30000	600x600x10
P07 300x1200/35W.DA	35	150÷250	0.9	100/110/110	3500/3850/3850	3000/4000/6500	85	30000	1200x300x10
P07 600x1200/75W.DA	75	150÷250	0.9	100/110/110	7500/8250/8250	3000/4000/6500	85	30000	1200x600x10



P07 600x600/48W.DA



P07 15x120/28W.DA

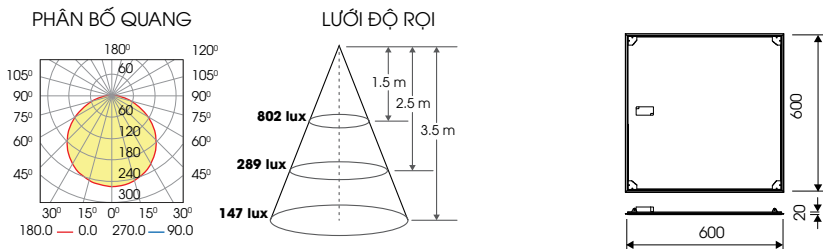


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)	Cấp bảo vệ
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	
P07 600x600/48W.DA	48	150÷250	0.9	104	5000	6500	85	30000	600x600x10	IP40
P07 15x120/28W.DA	28	150÷250	0.9	71	2000	6500	82	25000	1200x150x14	IP40

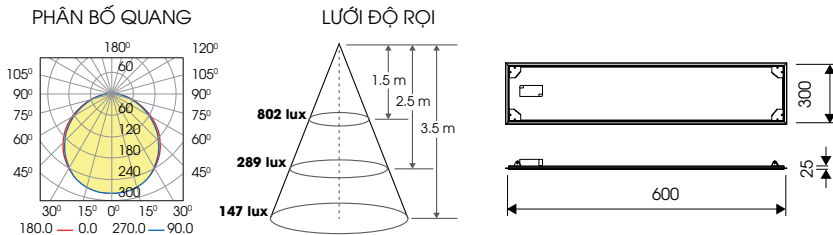
ĐÈN LED PANEL LẮP NỔI P05



P05 600x600/50W.DA



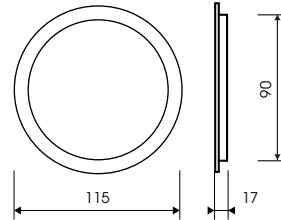
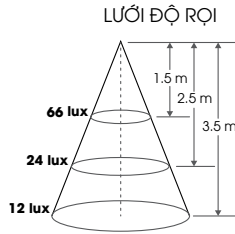
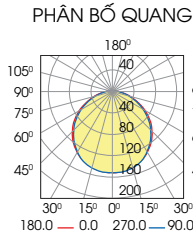
P05 300x1200/50W.DA



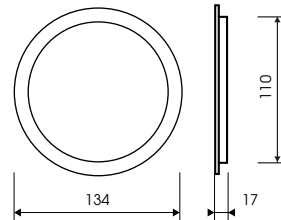
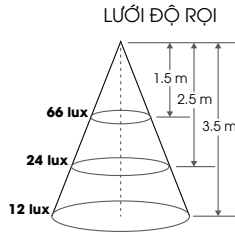
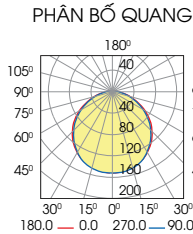
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)	Cấp bảo vệ
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	
P05 600x600/50W.DA	50	150÷250	0.9	105	5250	5000/6500	82	30000	640x640x25	IP40
P05 300x1200/50W.DA	50	150÷250	0.9	105	5250	5000/6500	82	30000	320x1280x25	IP40

ĐÈN LED PANEL PT04

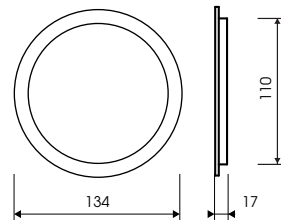
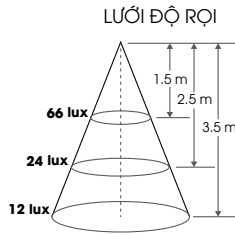
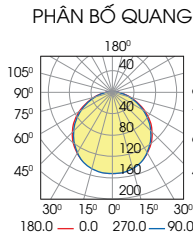
PT04 90/7W



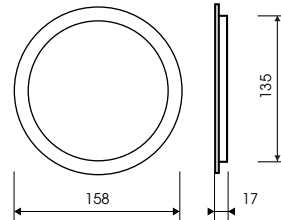
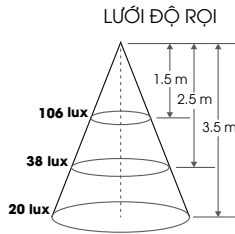
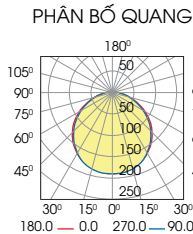
PT04 110/7W



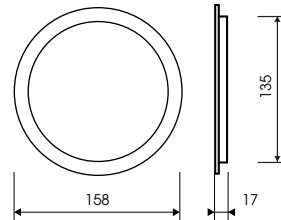
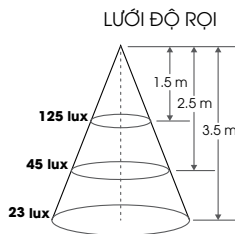
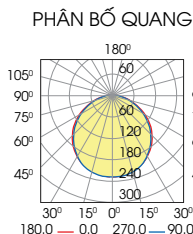
PT04 110/9W



PT04 135/9W



PT04 135/12W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
PT04 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	58/65/65	410/460/460	Vàng /trung tính/trắng	80	20000	115x26	90
PT04 110/7W	7	150 ÷ 250	0.5	64/67/67	450/470/470	Vàng /trung tính/trắng	80	20000	134x26	110
PT04 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	53/59/59	480/530/530	Vàng /trung tính/trắng	80	20000	134x26	110
PT04 135/9W	9	150 ÷ 250	0.5	55/62/62	500/555/555	Vàng /trung tính/trắng	80	20000	148x10	135
PT04 135/12W	12	150 ÷ 250	0.5	52/58/58	630/700/700	Vàng /trung tính/trắng	80	20000	148x10	135



ĐÈN LED CHIẾU GƯƠNG

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ của sản phẩm.
- Kết cấu tháo lắp đơn giản tiện lợi.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đối gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Đèn có IP44: Bảo đảm kín khít, sử dụng trong môi trường có độ ẩm cao như nhà vệ sinh.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/ IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gương sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15 000 giờ (L70), cao gấp 15 lần đèn sợi đốt; 3-4 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật.

Ứng dụng

- Chiếu sáng gương trong nhà, khách sạn...

ĐÈN LED GƯƠNG



G02 6W

Công suất	6 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Màu ánh sáng	Trắng/ Vàng
Quang thông	390 lm
Tuổi thọ	20.000 giờ (L70)
Chỉ số hoàn màu	80
Kích thước	(575x35x71) mm

ĐÈN LED GƯƠNG **CẢM BIẾN**



G04.PIR 8W

Công suất	8 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Nhiệt độ màu	6500 K/ 3000 K
Quang thông	450 lm
Tuổi thọ	25.000 giờ
Khoảng cách phát hiện	(1-2) m
Kích thước	(600x154x123) mm

Tính năng

Đèn hoạt động ở 2 chế độ:

- Chế độ On (Đèn thường) - Đèn luôn sáng sau khi được cấp nguồn
- Chế độ Auto (Đèn cảm biến) - Đèn tự động bật sáng khi phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến. Sau 180s kể từ khi không phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến, đèn sẽ tự động tắt.



ĐÈN LED CHỈ DẪN, KHẨN CẤP

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Mặt tán quang mica: khuếch tán ánh sáng rộng, hiển thị rõ nét.
- Hình ảnh trên đèn cụ thể, chi tiết (có thể làm theo market đặt hàng).
- Bộ lưu điện: có dung lượng Pin Ni-Cd 400mAh, thời gian nạp đầy 20 giờ.
- Thời gian chiếu sáng dự phòng 3h.
- Ở chế độ hoạt động bình thường, đèn LED EXIT Rạng Đông hoạt động liên tục như một biểu tượng chỉ hướng. Khi có sự cố về điện, đèn tự động sáng nhờ hệ thống pin sạc dự phòng.
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \div 40^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Thiết kế đèn chỉ dẫn theo yêu cầu của khách hàng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/ IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 75% điện năng thay thế đèn chỉ dẫn dùng bóng huỳnh quang. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15 000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần đèn bóng huỳnh quang; không hạn chế số lần tắt bật.

Ứng dụng

- Chiếu sáng chỉ dẫn thoát hiểm trong tòa nhà, bệnh viện, chung cư, học đường, trung tâm thương mại, khu vực hầm,...
- Lắp đặt trên tường, cửa ra thoát hiểm

ĐÈN LED **CHỈ DẪN**

CD01 40x20/2.2 W (1 mặt/2 mặt) (*)



AT07.KC 90/5W (*)



KC01 2W (*)



KC02 10W (*)



KC03 8W (*)



KC04 6W (*)



KC05 3W (*)



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Dung lượng pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)	Đường kính khoét lỗ
	W	V/Hz	giờ	lm		giờ	giờ	mm	mm
CD01 40x20/2.2W (1 mặt/2 mặt) (*)	2.2	220/50	3	-	800mAh	20	15.000	370x25x202	
A80.KC/9W	9	220/50	6	AC: 810 DC: 230	3.7V (2x1200mAh)	10÷15	15.000	170x80	
AT07.KC 90/5W (*)	5	220/50	≥2	310	3.7V 3350mAh	24	15.000	Ø118x40	90
KC01 2W (*)	2	220/50			6V - 4Ah			258x265x50	
KC04 6W (*)	6	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	500	3.7V - 2200mAh	24	15.000	223x195x55	
KC03 8W (*)	8	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1200	6V - 4Ah	24	15.000	265x60x260	
KC02 10W (*)	10	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1000	6V - 4Ah	24	15.000	-	
KC05 3W (*)	3	220/50	6h	250	-	20	15.000	83x48x187	

(*) Có giấy chứng nhận
Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy



ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Kiểu dáng thiết kế độc đáo, hiện đại, giảm độ chói.
- Phân bố ánh sáng bán trực tiếp: phù hợp chiếu sáng nội thất.
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \div 40^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đối gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/ IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gắn tường sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15 000 giờ (L70), cao gấp 15 lần đèn sợi đốt; 3-4 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật.



Ứng dụng

- Chiếu sáng điểm nhấn trong phòng họp, phòng hội thảo, hộ gia đình, căn hộ, phòng khách,....
- Chiếu sáng cầu thang, hành lang
- Lắp đặt gắn tường,....

ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

GT05 T/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	213x93x128

GT06 CD/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	265x95x115

GT08/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	135x95x183

GT07/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	Trắng / Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	307x108x100

GT08/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	Trắng / Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	187x143x100

GT12/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	3000
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxH) (mm):	217x177x112

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG

LN12 70x160/5W



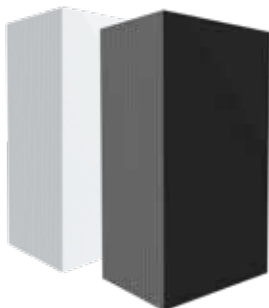
Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Hiệu suất sáng (lm / W)	90 / 100 / 100
Quang thông (lm):	450 / 500 / 500
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxH) (mm):	160x70
Cấp bảo vệ:	IP54

LN12 90x195/10W



Công suất (W):	10
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Hiệu suất sáng (lm / W)	90 / 100 / 100
Quang thông (lm):	900 / 1000 / 1000
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxH) (mm):	195x90
Cấp bảo vệ:	IP54

LN18 ĐM 83x60/6W



Công suất (W):	6
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	85
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (DxRxH) (mm):	83x60x151

Tiết kiệm đến 90% điện năng. Chiếu sáng gián tiếp, hắt sáng 2 chiều. Linh hoạt điều chỉnh góc chiếu sáng bằng cánh gạt.

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED TRACKLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, độ tin cậy, tuổi thọ cao giúp tần suất và chi phí thay thế, bảo dưỡng
- Thân đèn làm bằng nhôm đúc, chống ăn mòn, chống oxy hóa
- Sử dụng thấu kính quang học để tạo hiệu quả cao nhất trong chiếu sáng
- Dễ dàng thay đổi góc chiếu sáng, góc mở đèn 24 độ, phù hợp không gian chiếu sáng Indoor trang trí tạo điểm nhấn
- Kết cấu linh hoạt, phù hợp chiếu sáng điểm
- Ít phát nhiệt, không làm nóng bề mặt đèn và môi trường xung quanh
- Chất lượng ánh sáng trung thực, tự nhiên, chỉ số hoàn màu (Ra ≥ 80). (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).

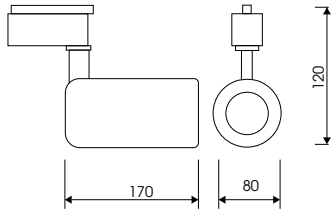
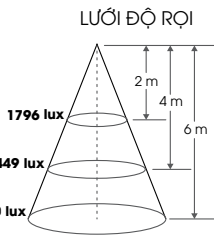
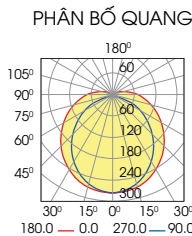
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng điểm, rọi trong các cửa hàng thời trang, siêu thị, trung tâm thương mại, phòng triển lãm, bảo tàng,...

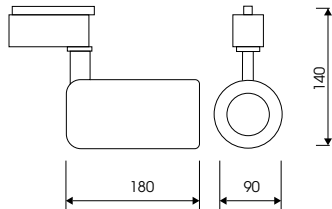
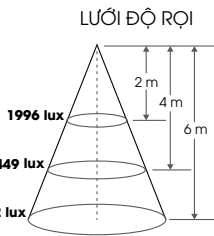
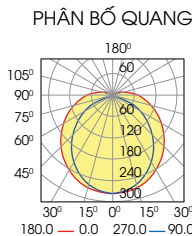
ĐÈN LED TRACKLIGHT 04



TRL04 20W

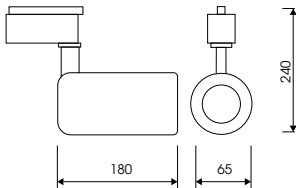


TRL04 25W

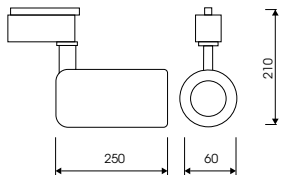


ĐÈN LED TRACKLIGHT 05

TRL05 20W

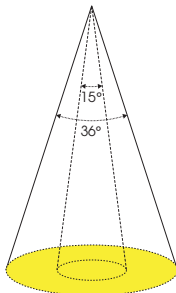
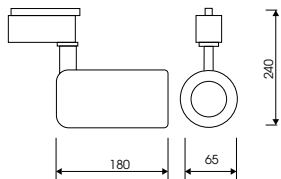


TRL05 30W



ĐÈN LED TRACKLIGHT 06

TRL06 20W



- Góc chiếu tùy chỉnh **15°÷36°**
- Sử dụng Lense quang học tạo phân bố quang đều
- Vỏ sử dụng nhôm tinh khiết ép thủy lực

Model	Công suất W	Dải điện áp hoạt động V	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng lm/W	Quang thông lm	Nhiệt độ màu K	Góc chiếu độ	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ giờ	Kích thước (ØxRxC) mm
TRL04 20W	20	150÷250	0.5	81/90/90	1620/1800/1800	3000/4000/5000	24	90	25000	80x170x120
TRL04 25W	25	150÷250	0.5	80/88/88	1980/2200/2200	3000/4000/5000	24	90	25000	90x180x140
TRL05 20W	20	150÷250	0.5	83/90/90/90	1660/1800/1800/1800	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	65x180x240
TRL05 30W	30	150÷250	0.5	81/90/90/90	2430/2700/2700/2700	3000/4000/5000/6500	24	90	25000	60x210x250
TRL06 20W	20	150÷250	0.5	68/75/75/75	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	15÷36	80	25000	65x180x240



ĐÈN LED HIGHBAY

Hiệu quả kinh tế

- Tiết kiệm đến 45-55% điện năng thay thế bộ đèn Metal halide. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ (L70), cao gấp 4-5 lần bộ đèn Metal halide, không hạn chế số lần tắt bật.

Ứng dụng

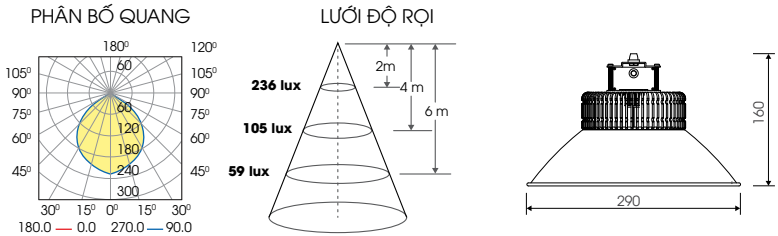
- Chiếu nhà xưởng, kho hàng,...
- Lắp đặt treo thả

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

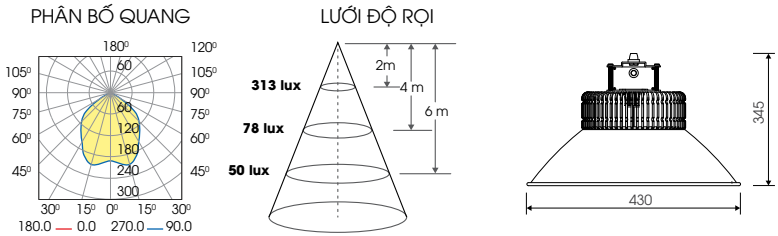
- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250 V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm được anốt hóa: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ.
- Chao đèn làm bằng nhôm đúc, bề mặt chao được tráng bạc: vành khung có tính chịu nhiệt cao, tán xạ nhiệt tốt.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9 : giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 82): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: tới 4kV bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C ÷ 45°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 2-5 năm.



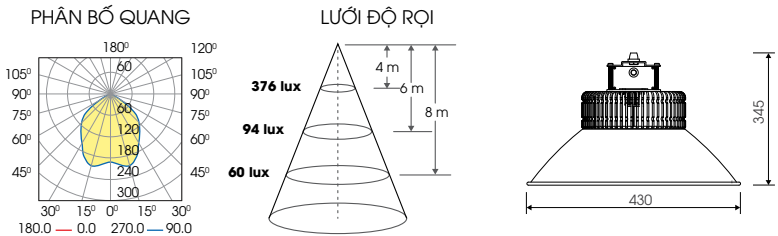
HB02 350/70W.DA



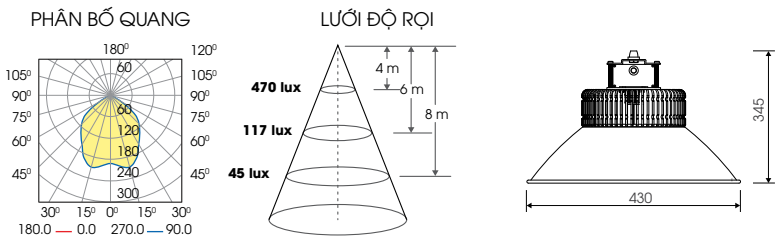
HB02 430/100W.DA



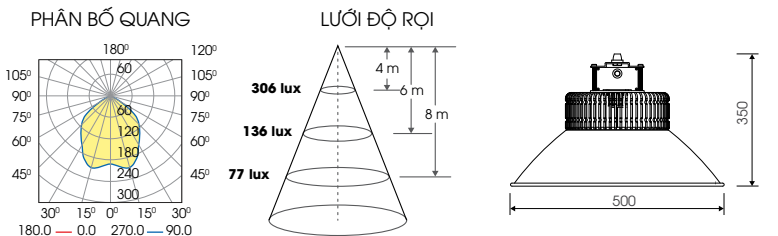
HB02 430/120W.DA



HB02 430/150W.DA



HB02 500/200W.DA

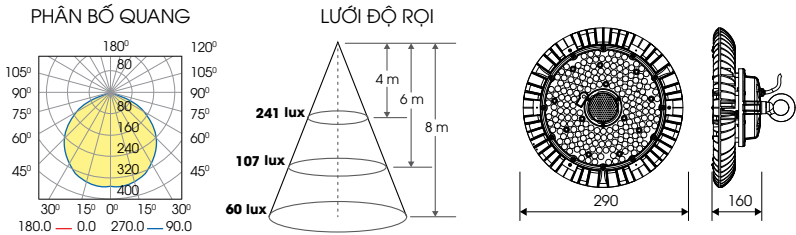


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Khả năng chống xung sét	Tuổi thọ	Kích thước (ØxH)
	W	V		lm / W	lm	K		kV	giờ	mm
HB02 350/70W.DA	70	150÷250	0.9	95/100	6650/7000	3000/6500	82	6	30 000 (L70)	350x240
HB02 430/100W.DA	100	150÷250	0.9	95/105	9800/10500	3000/6500	82	6	30 000 (L70)	430x345
HB02 430/120W.DA	120	150÷250	0.9	100/105	12000/12600	3000/6500	82	6	30 000 (L70)	430x345
HB02 430/150W.DA	150	150÷250	0.9	100/105	15000/15750	3000/6500	82	6	30 000 (L70)	430x345
HB02 500/200W.DA	200	150÷250	0.9	100/110	20000/22000	3000/6500	82	6	30 000 (L70)	500x350

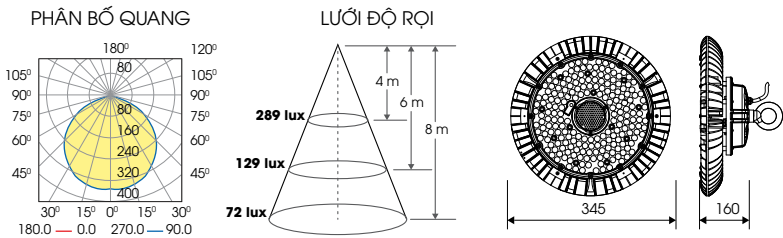
ĐÈN LED Highbay UFO



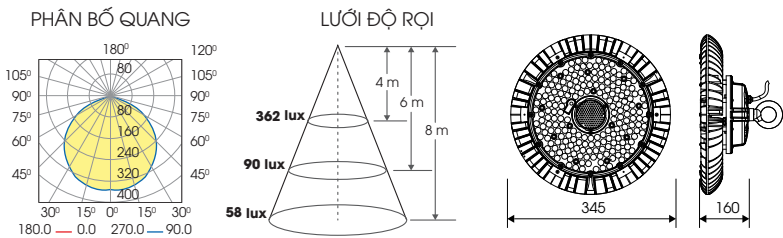
HB03 290/100W.DA



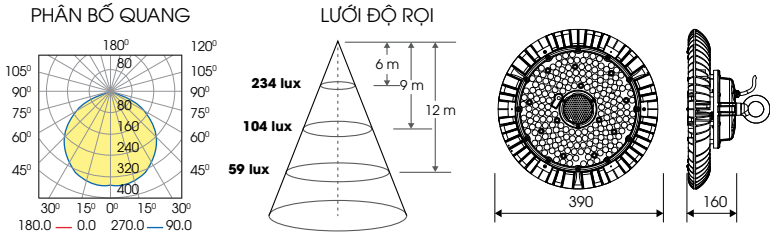
HB03 350/120W.DA



HB03 350/150W.DA



HB03 390/200W.DA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chống xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ	mm
HB03 290/100W.DA	100	150÷250	0.9	120/130/130	12000/13000/13000	3000/4000/6500	6	80	30000	290x160
HB03 350/120W.DA	120	150÷250	0.9	120/130/130	14400/15600/15600	3000/4000/6500	6	80	30000	345x160
HB03 350/150W.DA	150	150÷250	0.9	120/130/130	18000/19500/19500	3000/4000/6500	6	80	30000	345x160
HB03 390/200W.DA	200	150÷250	0.9	120/130/130	24000/26000/26000	3000/4000/6500	6	80	30000	390x160

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Mặt tán quang mica: khuếch tán ánh sáng rộng, hiển thị rõ nét.
- Hình ảnh trên đèn cụ thể, chi tiết (có thể làm theo market đặt hàng).
- Bộ lưu điện: có dung lượng Pin Ni-Cd 400mAh, thời gian nạp đầy 20 giờ.
- Thời gian chiếu sáng dự phòng 3h.
- Ở chế độ hoạt động bình thường, đèn LED EXIT Rạng Đông hoạt động liên tục như một biểu tượng chỉ hướng. Khi có sự cố về điện, đèn tự động sáng nhờ hệ thống pin sạc dự phòng.
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \sim 45^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Thiết kế đèn chỉ dẫn theo yêu cầu của khách hàng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 2 năm.

Hiệu quả kinh tế

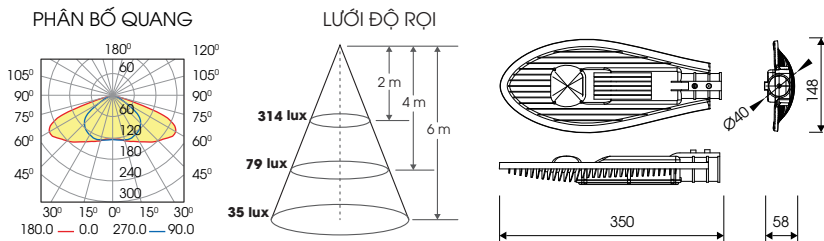
- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 50 000 giờ (L70), cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn Cao áp Natri, không hạn chế số lần tắt bật

Ứng dụng

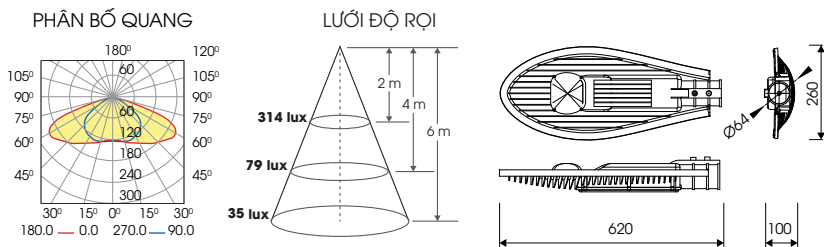
- Chiếu sáng đường gom, đường phố chính, đường khu đô thị, khu công nghiệp.
- Lắp đặt trên cột đèn (chiều cao tùy từng loại công suất)

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02

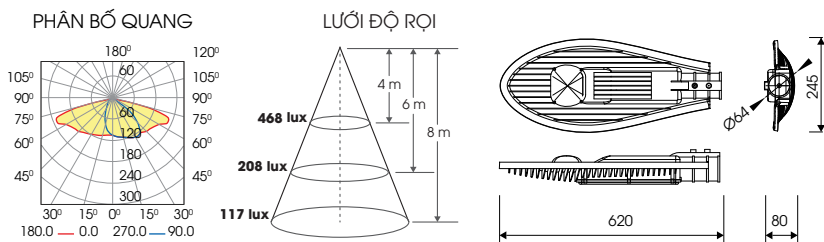
CSD02 30W.DA



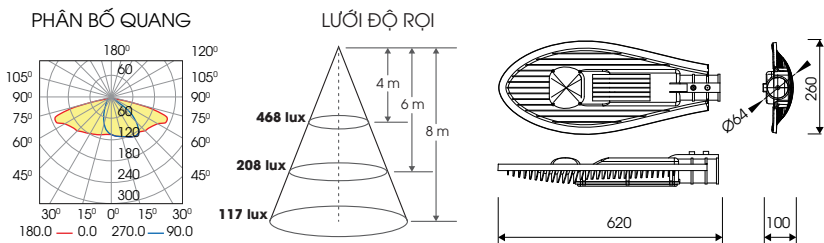
CSD02 40W.DA



CSD02 60W.DA

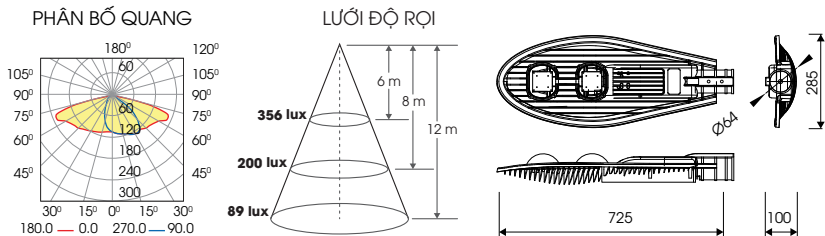


CSD02 70W.DA

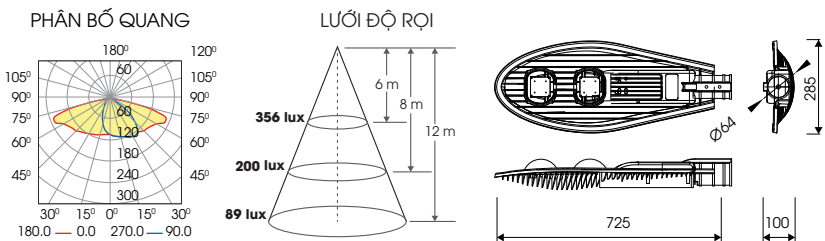


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxH)
CSD02 30W.DA	30	150÷270	0.5	116	3300	4000/5000	10	≥70	30000	IP66,IK09	Ø40	350x148x58
CSD02 40W.DA	40	100÷277	0.95	120	4400	5000	10	80	50000	IP66,IK09	Ø64	620x260x100
CSD02 60W.DA	60	150÷270	0.95	110	6600	4000	10	80	50000	IP66,IK09	Ø64	620x245x80
CSD02 70W.DA	70	100÷277	0.95	105	7350	5000/6500	10	≥70	40000	IP66,IK09	Ø64	620x260x100

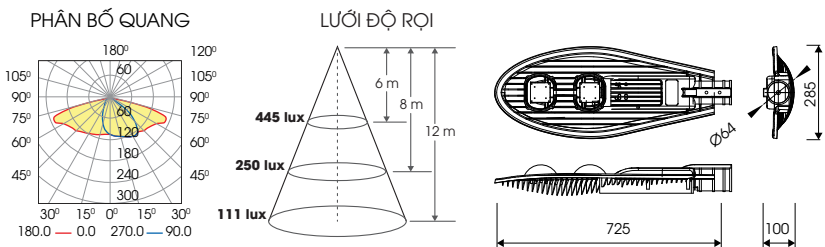
CSD02 100W.DA



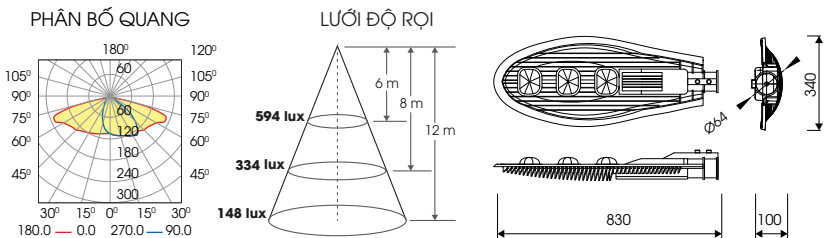
CSD02 120W.DA



CSD02 150W.DA



CSD02 200W.DA

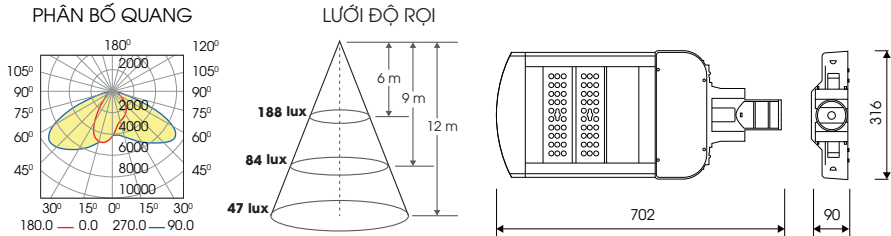


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxH)
CSD02 100W.DA	100	150÷270	0.95	125	12500	4000	10	≥70	40000	IP66, IK09	Ø64	725x280x100
CSD02 120W.DA	120	100÷277	0.95	135	16200	5000	10	≥70	50000	IP66, IK09	Ø64	725x285x100
CSD02 150W.DA	150	100÷277	0.95	130	19500	5000	10	≥70	50000	IP66, IK09	Ø64	725x285x100
CSD02 200W.DA	200	100÷277	0.95	115	23000	5000	10	80	50000	IP66, IK09	Ø64	830x340x100

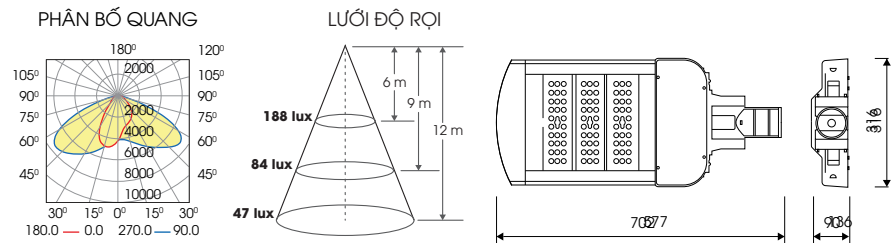
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 05



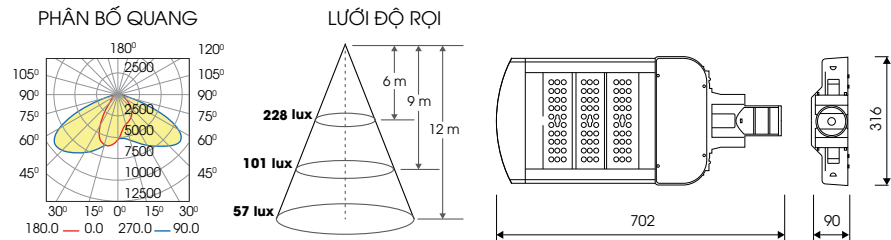
CSD05 100W 2M.DA



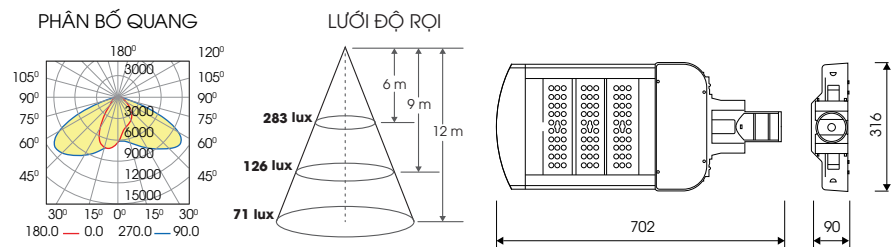
CSD05 100W 3M.DA



CSD05 120W.DA



CSD05 150W.DA



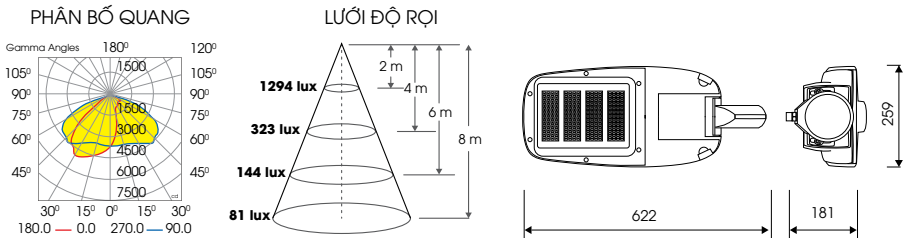
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm	mm
CSD05 100W 2M.DA	100	100÷277	0.95	135	13500	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK09	Ø64	702x316x90
CSD05 100W 3M.DA	100	100÷277	0.95	150	15000	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK09	Ø64	702x316x90
CSD05 120W.DA	120	100÷277	0.95	145	17400	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK09	Ø64	702x316x90
CSD05 150W.DA	150	100÷277	0.95	135	20250	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK09	Ø64	702x316x90

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 06

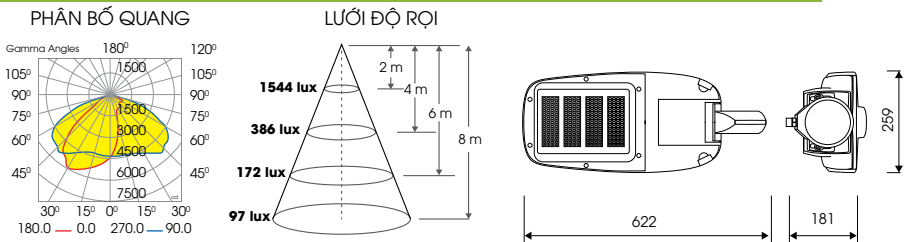
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG



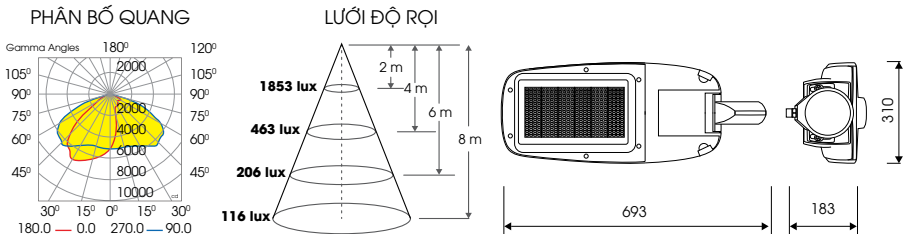
CSD06 80W.DA



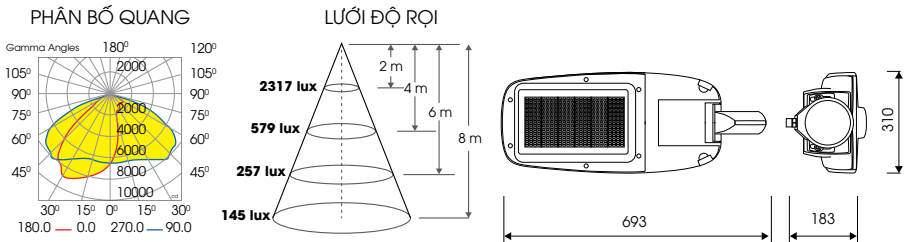
CSD06 100W.DA



CSD06 120W.DA



CSD06 150W.DA

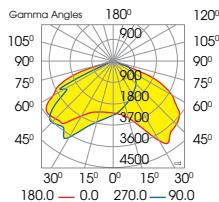


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV		giờ		mm	mm
CSD06 80W.DA	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK09	Ø64	622x259x181
CSD06 100W.DA	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK09	Ø64	622x259x181
CSD06 120W.DA	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK09	Ø64	693x310x183
CSD06 150W.DA	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK09	Ø64	693x310x183

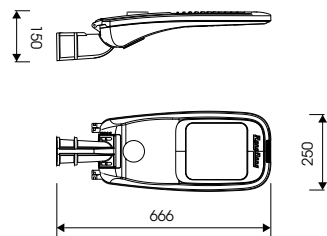
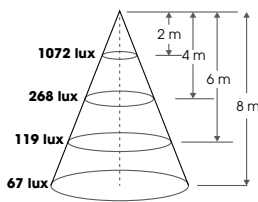
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08

CSD08 80W

PHÂN BỐ QUANG

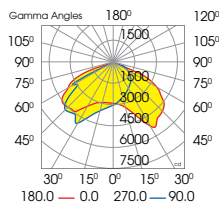


LƯỚI ĐỘ RỌI

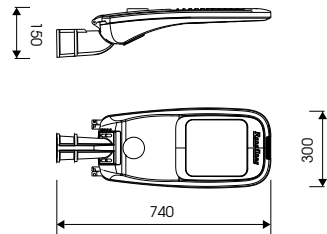
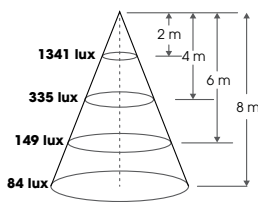


CSD08 100W

PHÂN BỐ QUANG

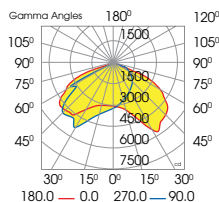


LƯỚI ĐỘ RỌI

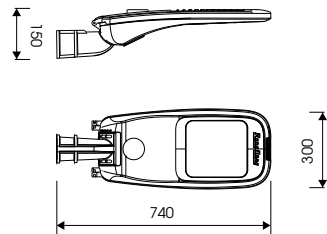
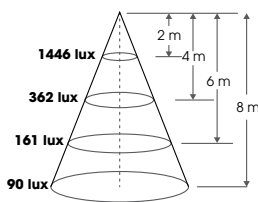


CSD08 120W

PHÂN BỐ QUANG

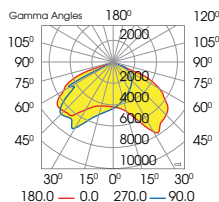


LƯỚI ĐỘ RỌI

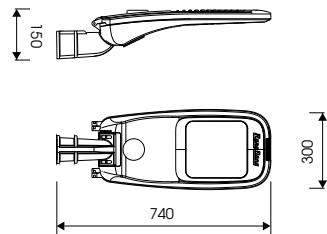
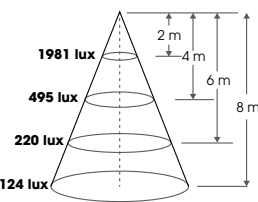


CSD08 150W

PHÂN BỐ QUANG

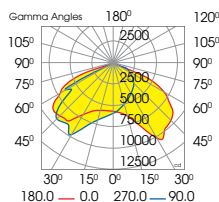


LƯỚI ĐỘ RỌI

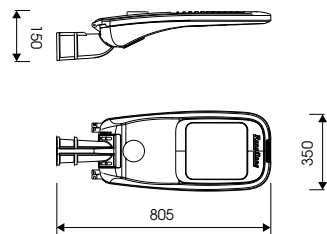
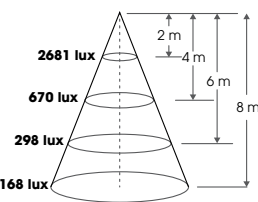


CSD08 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ (giờ)	Kích thước (DxRxC)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ			mm
CSD08 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	666x250x150	IP66, IK08	Ø64
CSD08 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	740x300x150	IP66, IK08	Ø64
CSD08 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	740x300x150	IP66, IK08	Ø64
CSD08 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	740x300x150	IP66, IK08	Ø64
CSD08 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	805x350x150	IP66, IK08	Ø64

ĐÈN LED CHIẾU PHA

Đặc tính và lợi ích sản phẩm

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250 V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Kính làm bằng thủy tinh: Có khả năng chịu lực và nhiệt độ cao.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9 : giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung sét lên tới 10kV: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \div 45^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đối gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP65, IK08: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC 60598-1.
- Bảo hành 3 năm.

Hiệu quả kinh tế

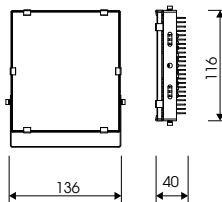
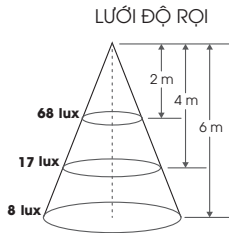
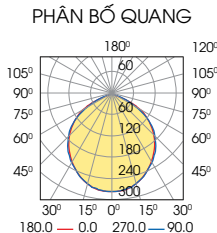
- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 50 000 giờ (L70), cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn Cao áp Natri, không hạn chế số lần tắt bật

Ứng dụng

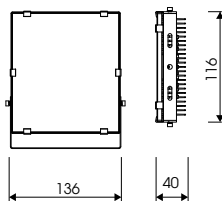
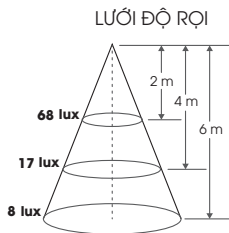
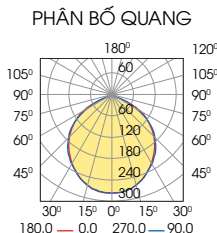
- Chiếu sáng biển quảng cáo
- Chiếu sáng không gian bên ngoài tòa nhà, công trình công cộng, công viên, vườn hoa
- Chiếu sáng trong nhà xưởng
- Lắp đèn trên cột, gắn tường

ĐÈN LED CHIẾU PHA 06

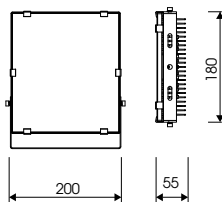
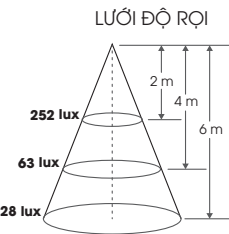
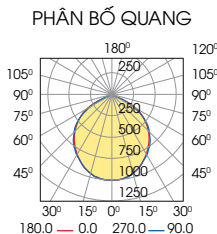
CP06 10W



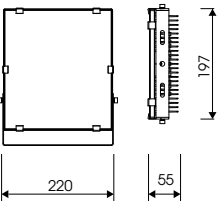
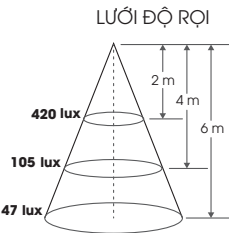
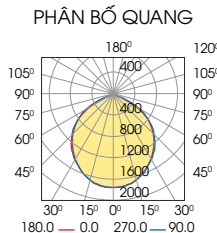
CP06 20W



CP06 30W

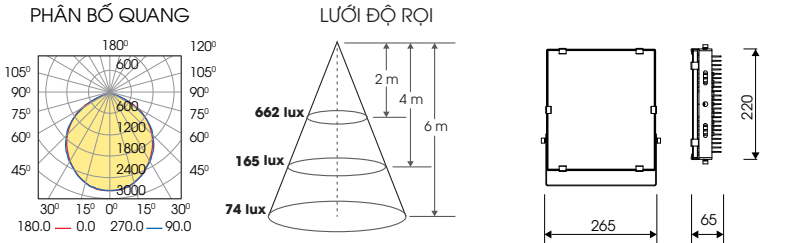


CP06 50W

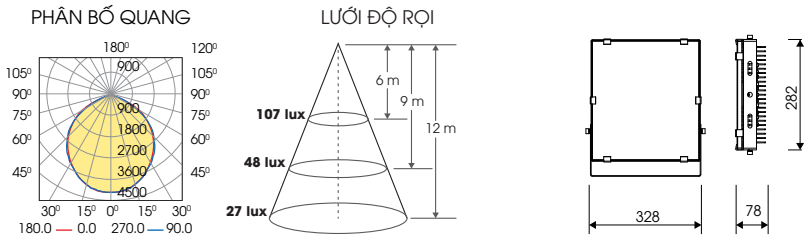


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm
CP06 10W	10	150÷250	0.5	85	850	3000/4000/6500	1.5	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 20W	20	150÷250	0.5	78	1550	3000/4000/6500	1.5	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 30W	30	150÷250	0.5	77	2300	3000/4000/6500	2	80	20000	IP66	200x180x55
CP06 50W	50	150÷250	0.5	83	4150	3000/4000/6500	2	80	20000	IP66	220x197x55

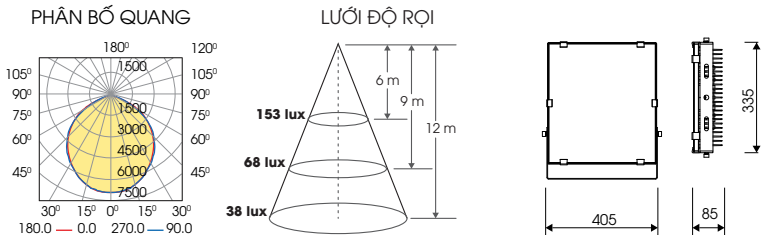
CP06 70W



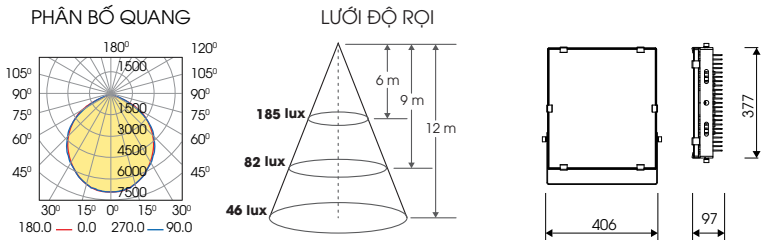
CP06 100W



CP06 150W



CP06 200W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm
CP06 70W	70	150÷250	0.9	90	6300	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	265x220x65
CP06 100W	100	150÷250	0.9	95	9500	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	328x282x78
CP06 150W	150	150÷250	0.9	90	13500	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	405x335x85
CP06 200W	200	150÷250	0.9	100	20000	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	406x377x97



ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Ưu điểm

- Sử dụng chip LED SMD, tuổi thọ cao hơn 50000 giờ
- Sử dụng Pin LiFePO4 thế hệ mới, độ an toàn cao
- Tiết kiệm năng lượng và chi phí tiền điện khi biến đổi ánh sáng mặt trời thành năng lượng điện
- Bảo vệ môi trường khi sử dụng năng lượng tái tạo, làm giảm khí thải và ô nhiễm không khí,...

Tính năng

- Đèn chiếu pha NLMT có thể Dimming bằng điều khiển Remote 2 cấp độ sáng 50%, 100%
- Đèn tự động bật – tắt theo cường độ ánh sáng môi trường, tiết kiệm chi phí vận hành

ĐÈN LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CP01SL/10W



Công suất (W):	10
Quang thông (lm):	540
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	130x90x58
Cấp bảo vệ:	IP65, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 12W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CP01SL/40W



Công suất (W):	40
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	140x200x129
Cấp bảo vệ:	IP65, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 40W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CP01SL/70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	321x286x66
Cấp bảo vệ:	IP65, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 70W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CP01SL/90W



Công suất (W):	90
Quang thông (lm):	4600
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	321x286x66
Cấp bảo vệ:	IP65, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 95W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD02SL/15W



Công suất (W):	15
Quang thông (lm):	450
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	436x204x36
Cấp bảo vệ:	IP65, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 15W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD01SL/30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66, IK08
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD01SL/50W



Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	4600
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66, IK08
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 95W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD02SL/70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	8000
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	755x280x100
Cấp bảo vệ:	IP66, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	12.8 / 42
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 100W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD02SL/100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	10500
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	12.8 / 54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 130W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD02SL/120W



Công suất (W):	120
Quang thông (lm):	12000
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	755x280x100
Cấp bảo vệ:	IP66, IK08
Dimming bằng remote(%):	50 / 100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

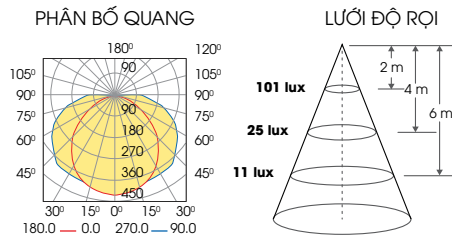
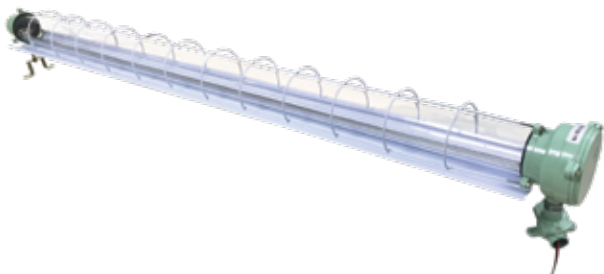
Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	12.8 / 54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

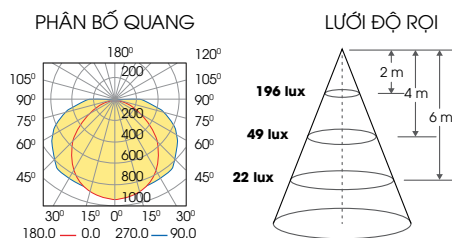
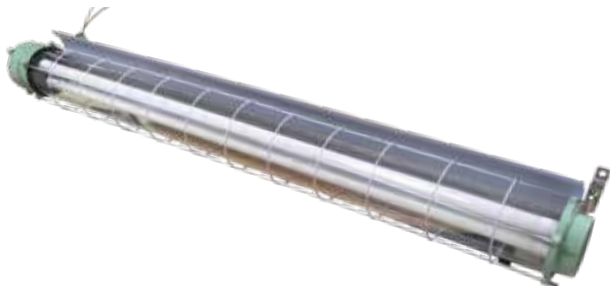
Công nghệ:	Mono-crystalline 170W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN LED CHỐNG NỔ

CN01 120/20W.DA



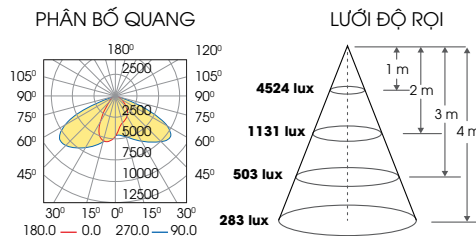
CN01 120/40W.DA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (D)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ		mm
CN01 120/20W.DA	20	170 ÷ 250	0.5	100	2000	3000/4000/5000/6500K	80	30.000 L70/F50	IP54	1320
CN01 120/40W.DA	40	170 ÷ 250	0.5	100	4000	3000/4000/5000/6500K	80	30.000, L70/F50	IP54	1320

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG CÂY XĂNG

CX01/80W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V	lm/W	lm	K		giờ	mm
CX01/80W	80	100÷277	130	10 400	5000/6500	≥70	50000	306x288x271

BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC

Chung tay bảo vệ
ĐÔI MẮT HỌC TRÒ

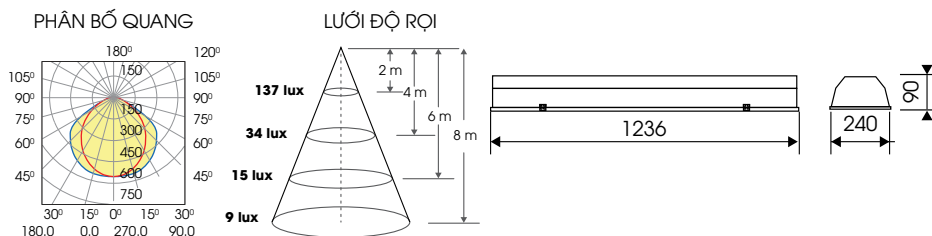


Ưu điểm

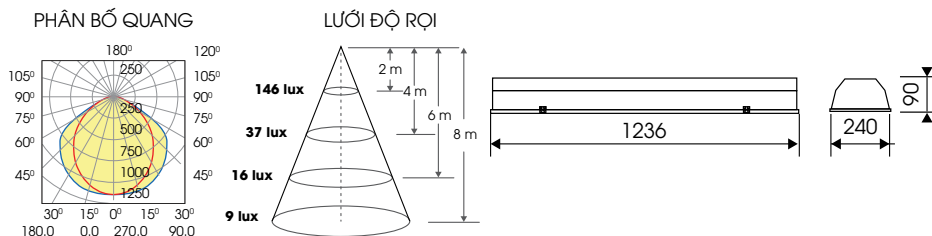
- LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: Chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Hệ số trả màu cao ($Ra \geq 80$): Cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker Free): Không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): Giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: Bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5:2009/IEC6100-4-5:2005)

BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC

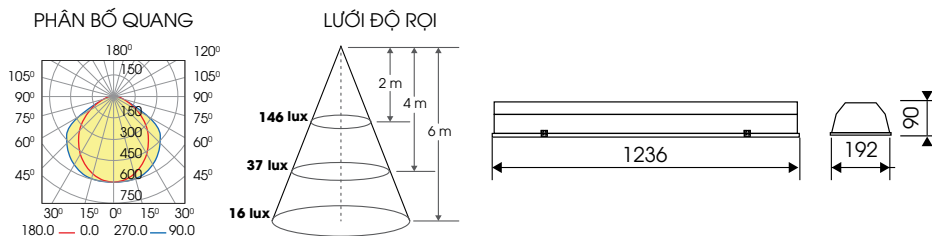
T8 TT01 CSLH /20Wx2



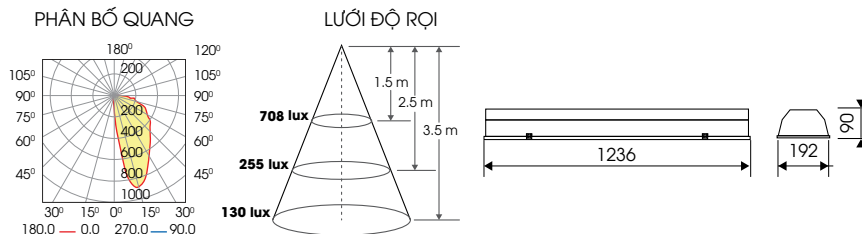
T8 CSLH/20Wx2



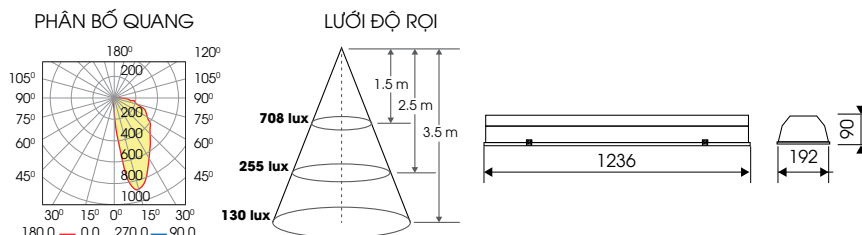
T8 TT01 CSLH/20Wx1



T8 TT01 CSBA/20Wx1

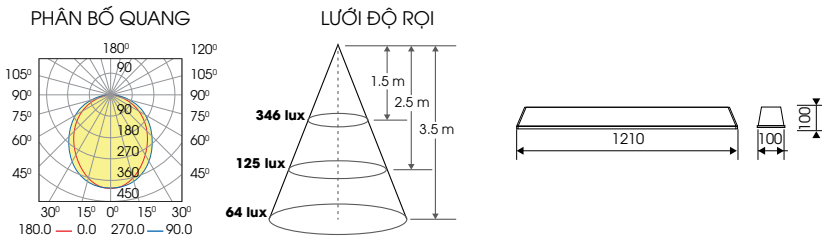


T8 CSBA/20Wx1

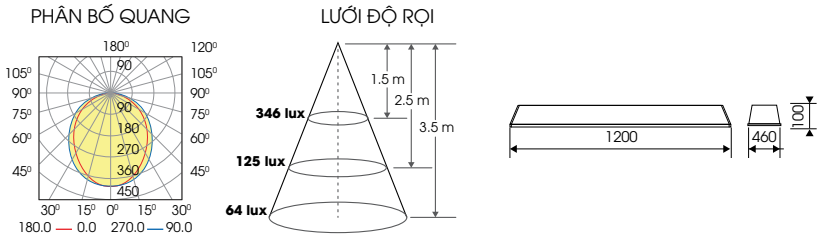


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 CSLH / 20Wx2	20x2	170÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x240x90
T8 CSLH/ 20Wx2	20x2	150÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x240x90
T8 TT01 CSLH/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x192x90
T8 TT01 CSBA/ 20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x192x90
T8 CSBA/ 20Wx1	20	150÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x192x90

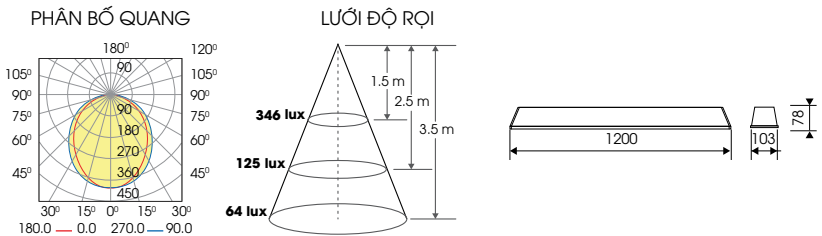
CSLH 20Wx1



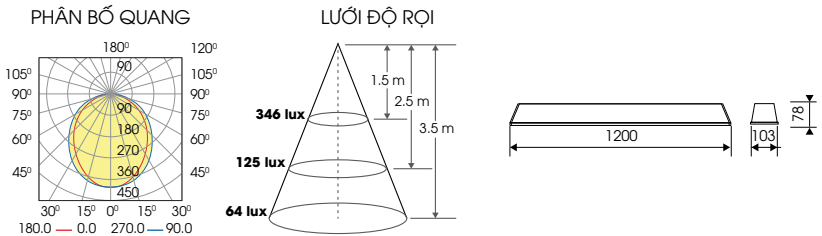
CSBA 1200/18W



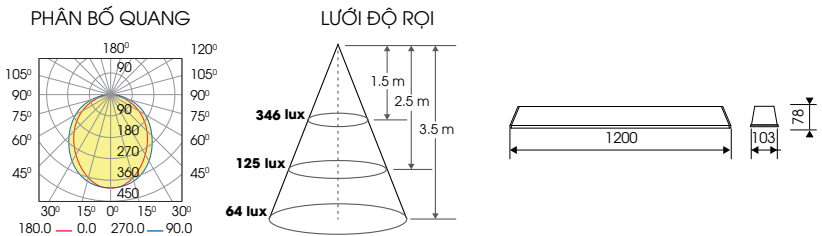
CSLH 1200/36W



CSLH.LS 1200/36W



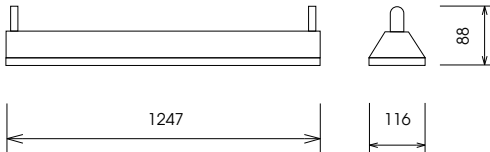
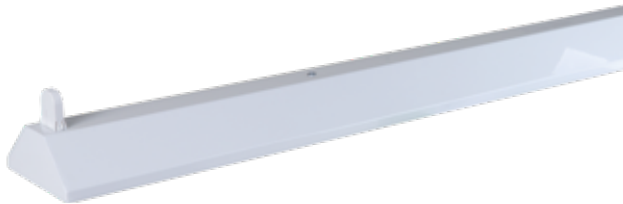
CSLH.LS 1200/36W.HCL



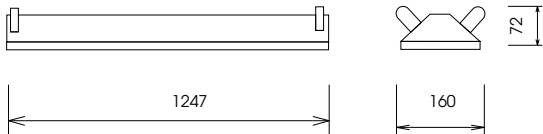
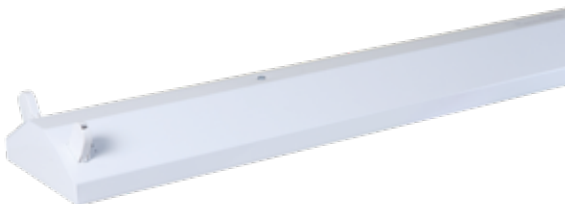
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
CSLH 20Wx1	20	150÷250	0.9	100	2000	5000/6500	80	30000	1210x100x100
CSBA 1200/18W	18	170÷250	0.9	94	1700	5000/6500	80	30000	1200x460x100
CSLH 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	5000/6500	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W.HCL	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78

MĂNG ĐÈN

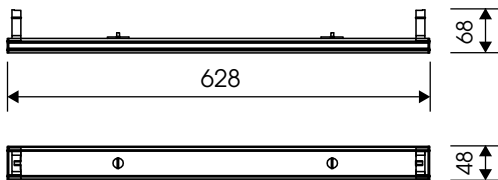
FS 20/18Wx1 TG



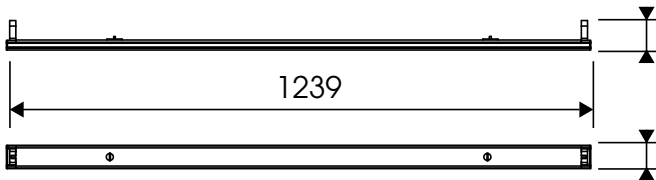
FS 20/18Wx1 TG



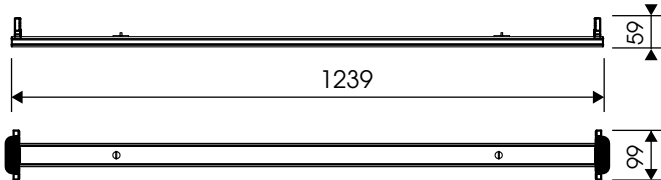
FS 20/18x1 M9



FS 40/36x1 M9

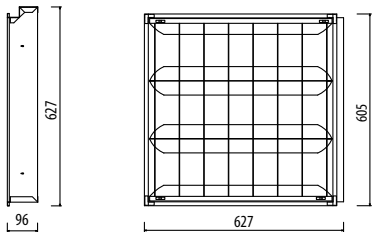


FS 40/36x2 M9

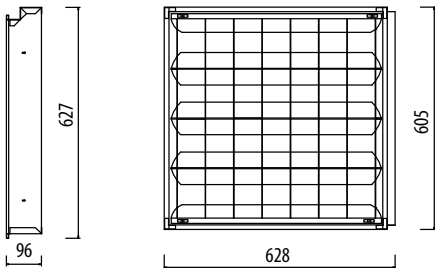


Model	Lắp đặt	Kích thước (DxRxH)	Bảo hành
	Loại bóng	mm	năm
FS 20/ 18Wx1 TG	01 Bóng LED tube 1,2m	1247x116x88	1
FS 20/ 18Wx2 TG	02 Bóng LED tube 1,2m	1247x160x72	1
FS 20/ 18x1 M9	01 Bóng LED tube 0,6m	628x48x68	1
FS 40/ 36x1 M9	01 Bóng LED tube 1,2m	1239x48x68	1
FS 40/ 36x2 M9	02 Bóng LED tube 1,2m	1239x99x59	1

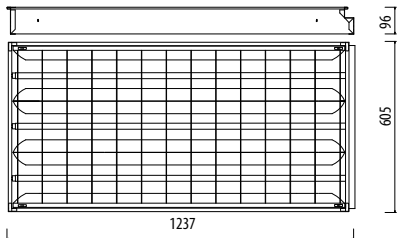
FS 20/18x3 M6



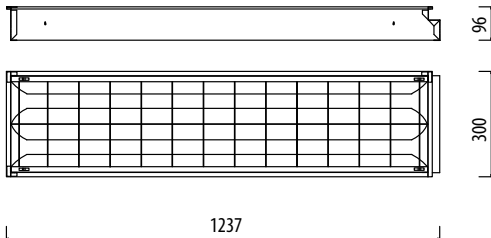
FS 20/18x4 M6



FS 40/36x3 M6



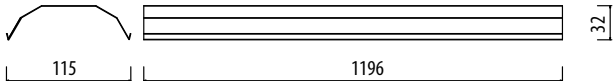
FS 40/36x1 M9



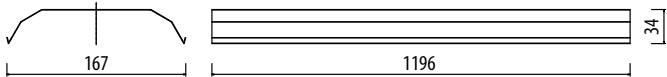
Model	Lắp đặt	Kích thước (DxRxC)	Bảo hành
	Loại bóng	mm	năm
FS 20/ 18x3 M6	03 Bóng LED tube 0,6m	627x605x96	1
FS 20/ 18x4 M6	04 Bóng LED tube 0,6m	627x605x96	1
FS 40/ 36x2 M6	02 Bóng LED tube 1,2m	1237x300x96	1
FS 40/ 36x3 M6	03 Bóng LED tube 1,2m	1237x605x96	1

CHAO ĐÈN

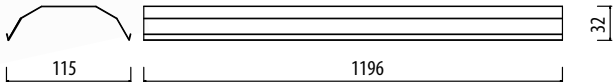
CHAO INOX 1,2m ĐƠN TRẦN



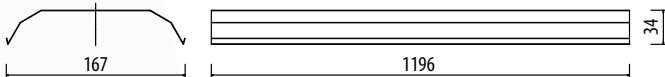
CHAO INOX 1,2m ĐÔI TRẦN



CHAO TRẦN ĐÔI 1,2m SƠN TĨNH ĐIỆN



CHAO TRẦN ĐƠN 1,2m SƠN TĨNH ĐIỆN

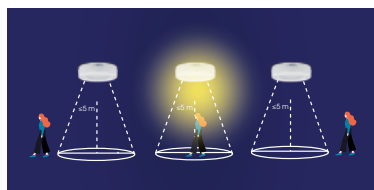


Model	Lắp đặt	Kích thước (DxRxH)	Bảo hành
	W	mm	năm
Chóa Inox 1,2m đơn trần	01 Bóng LED tube 1,2m	1196x115x32	1
Chóa Inox 1,2m đôi, trần	02 Bóng LED tube 1,2m	1196x167x34	1
Chao trần đôi 1,2m sơn tĩnh điện	02 Bóng LED tube 1,2m		1
Chao trần đơn 1,2m sơn tĩnh điện	01 Bóng LED tube 1,2m		1

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN



CRI



ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài.
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.

TÍNH NĂNG

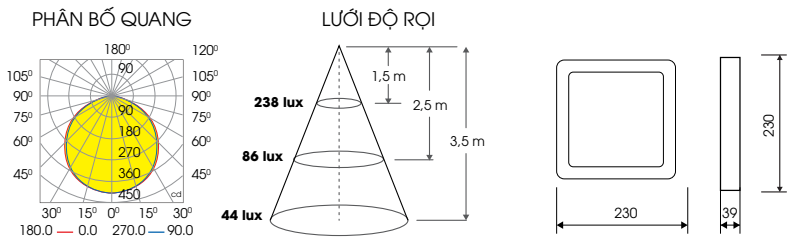
- Tích hợp cảm biến RADAR và/hoặc cảm biến PIR và/hoặc cảm biến ánh sáng đèn sẽ tự động bật sáng khi có người và tắt khi người rời đi.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

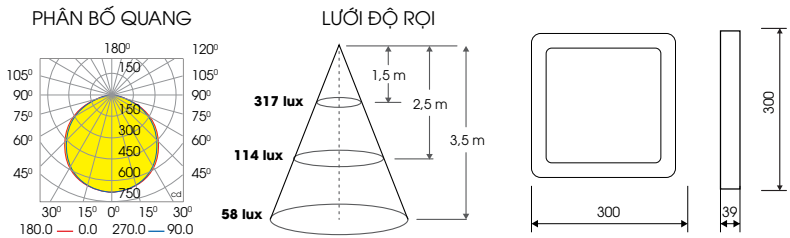
- Tiện nghi: Sử dụng đèn cảm biến là giải pháp hợp lý khi bạn không rảnh tay để bật đèn.
- An ninh: Lắp đèn cảm biến tại cửa, cổng, hiên nhà giúp đảm bảo an ninh cho người và tài sản.
- An toàn: Sử dụng đèn cảm biến sẽ đảm bảo an toàn cho các gia đình các người già và trẻ nhỏ.
- Tiết kiệm điện: Lắp đèn cảm biến tại khu vực không thường xuyên có người qua lại là giải pháp không thể tối ưu hơn.

ĐÈN LED ỚP TRẦN CẢM BIẾN LN08

LN08 23x23/18W RAD.DA

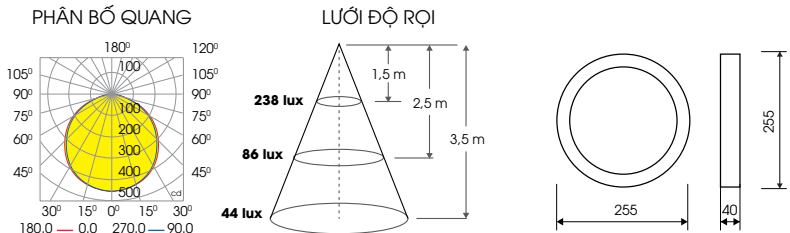


LN08 30x30/24W RAD.DA

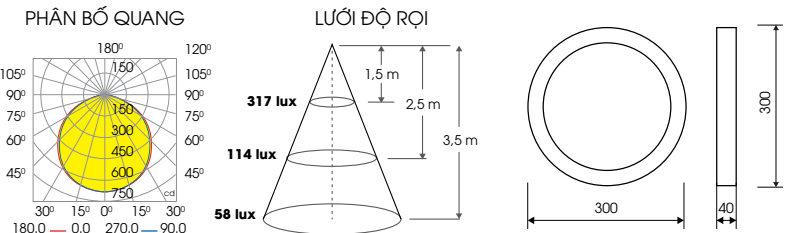


ĐÈN LED ỚP TRẦN CẢM BIẾN LN09

LN09 230/18W RAD.DA



LN09 300/24W RAD.DA



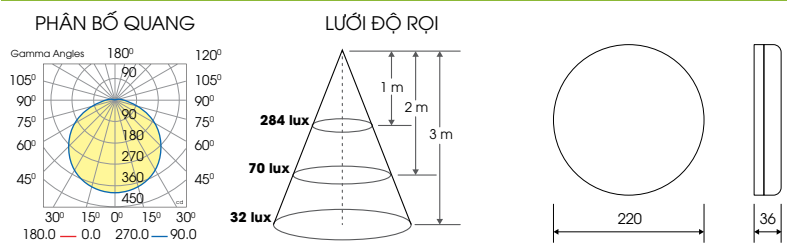
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ			giờ	mm
LN08 23x23/ 18W RAD.DA	18	170÷250	1260/ 1350	3000/ 6500	90x360	85	IP40	20 000 (L70)	230x230x39
LN08 30x30/ 24W RAD.DA	24	170÷250	1800/ 1900	3000/ 6500	90x360	82	IP20	20 000 (L70)	300x300x39
LN09 230/ 18W RAD.DA	18	170÷250	1260/ 1350	3000/ 6500	120x360	82	IP20	20 000 (L70)	(ØxH) 225x40
LN09 300/ 24W RAD.DA	24	170÷250	1800/ 1900	3000/ 6500	120x360	82	IP40	20 000 (L70)	(ØxH) 300x40

ĐÈN LED ỐP TRẦN **CẢM BIẾN LN12**

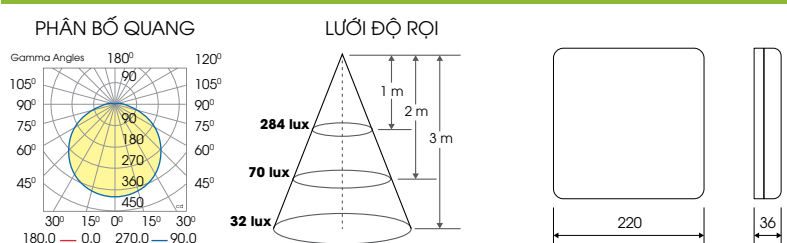
ĐÈN LED CẢM BIẾN



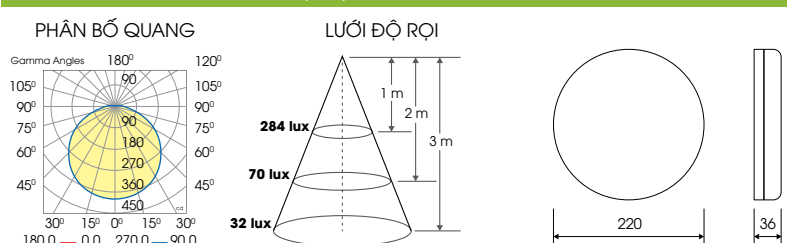
LN12.RAD 220/18W (WC)



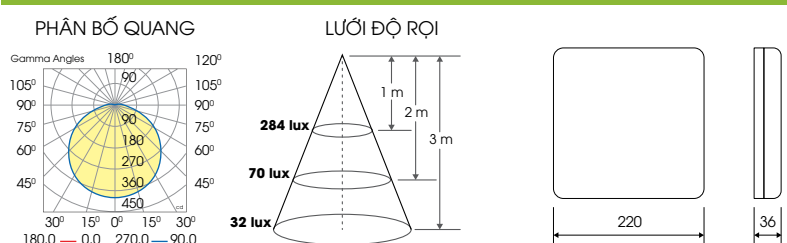
LN12.RAD 220x220/18W (WC)



LN12.RAD 220/18W (HL)



LN12.RAD 220x220/18W (HL)



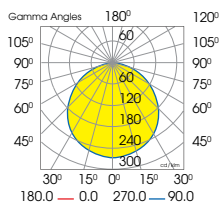
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ		giờ	mm
LN12.RAD 220/ 18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	90x360	80	25.000	220x36
LN12.RAD 220x220/ 18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	90x360	80	25.000	220x220x36
LN12.RAD 220/ 18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	120x360	80	25.000	220x36
LN12.RAD 220x220/ 18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	120x360	80	25.000	220x220x36

ĐÈN LED DOWNLIGHT CẢM BIẾN

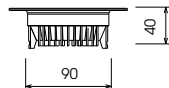
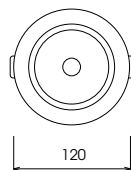
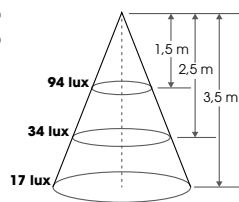


AT04.PIR 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

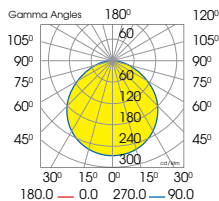


LƯỚI ĐỘ RỌI

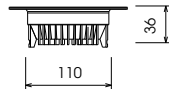
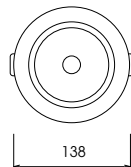
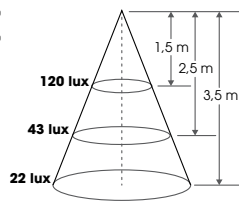


AT04.PIR 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



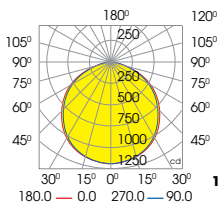
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	KC/ BK phát hiện	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Thời gian đèn tự động tắt	Kích thước	Kích thước khoét trần
	W	V	Hz		lm	K	m	độ		giờ	giây	mm	mm
AT04.PIR 90/7W	7	150÷250	50-60	0.5	500	3000/6500	3-5	90x360	80	20,000	120±10	120x40	90
AT04.PIR 110/9W	9	150÷250	50-60	0.5	650	3000/6500	3-5	90x360	80	20,000	120±10	138x36	110

ĐÈN LED PANEL DỰ PHÒNG

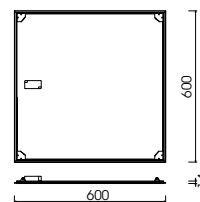
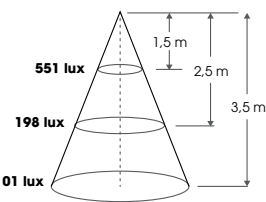


P08.DP 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

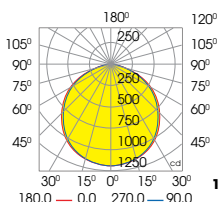


LƯỚI ĐỘ RỌI

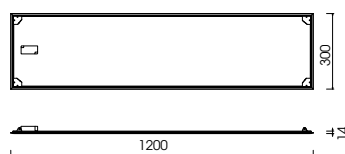
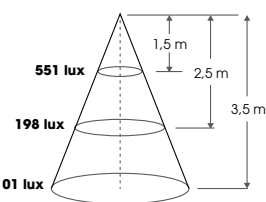


P08.DP 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



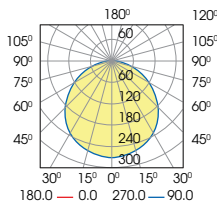
Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
P08.DP 600x600/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25,000	600x600x12
P08.DP 300x1200/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25,000	1200x300x12

ĐÈN LED DOWNLIGHT DỰ PHÒNG

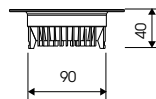
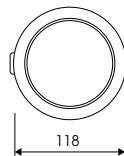
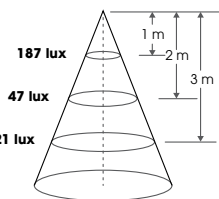
AT04.DP 90/7W



PHÂN BỐ QUANG



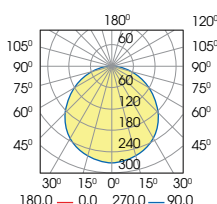
LƯỚI ĐỘ RỌI



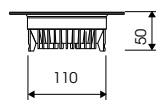
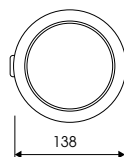
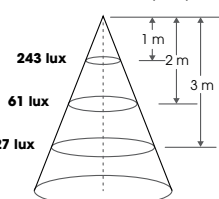
AT04.DP 110/9W



PHÂN BỐ QUANG



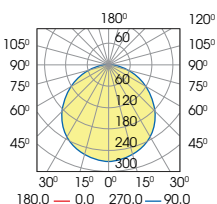
LƯỚI ĐỘ RỌI



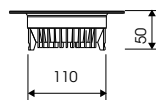
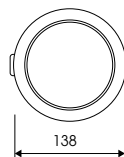
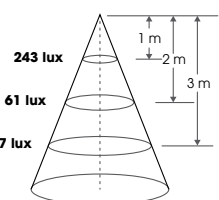
AT04.DP 110/12W



PHÂN BỐ QUANG



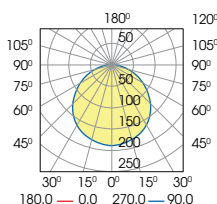
LƯỚI ĐỘ RỌI



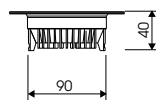
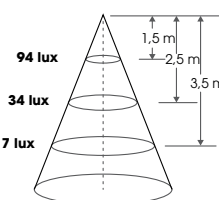
AT16 DP 90/7W.DA



PHÂN BỐ QUANG



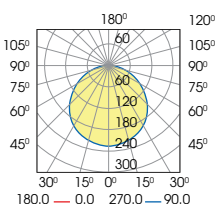
LƯỚI ĐỘ RỌI



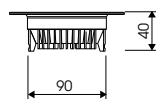
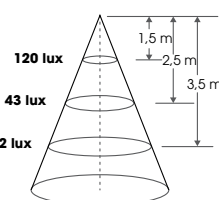
AT16 DP 110/9W.DA



PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



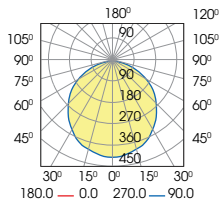
Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
AT04.DP 90/7W	7	220/50-60	2	12÷15	6500	500	440	Lithium	20,000	118x40
AT04.DP 110/9W	9	220/50-60	2	12÷15	6500	700	440	Lithium	20,000	138x50
AT04.DP 110/12W	12	220/50-60	2	12÷15	6500	930	550	Lithium	20,000	138x50
AT16 DP 90/7W.DA	7	220/50	2	12÷15	3000/4000/6500	450/500/500	395/480/480	Lithium	20 000 (L70)	118x40
AT16 DP 110/9W.DA	9	220/50	2	12÷15	3000/4000/6500	630/650/650	465/480/480	Lithium	20 000 (L70)	118x40

ĐÈN LED ỚP TRẦN DỰ PHÒNG

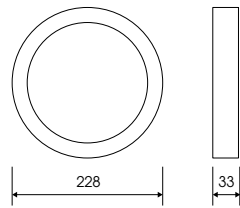
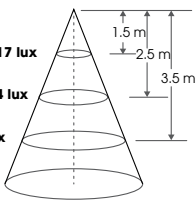
LN09.DP 300/24W



PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



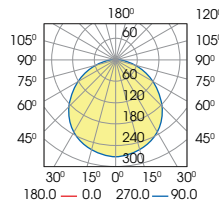
Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
LN09.DP 300/24W	24	220V/50Hz	2 giờ	12÷15 giờ	6500 K	900 lm	480 lm	-	15.000 giờ	288x33 mm

BỘ ĐÈN LED DỰ PHÒNG

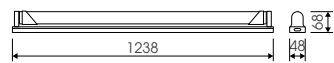
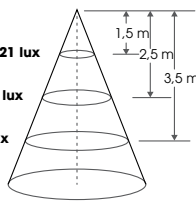
BD T8 DP M11/22Wx1



PHÂN BỐ QUANG



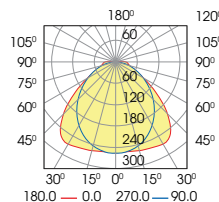
LƯỚI ĐỘ RỌI



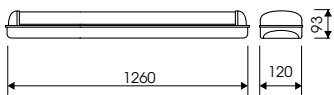
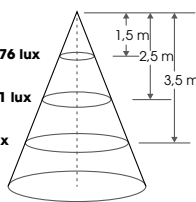
LN CA01L DP/18Wx2.DA



PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
BD T8 DP M11/22Wx1	22	220/50	2 giờ	12÷15 giờ	6500 K	1700 lm	1000 lm	Lithium	20,000 (L70)	1238x48x68 mm
LN CA01L DP/18Wx2.DA	36	220/50	2 giờ	12÷15 giờ	6500 K	3200 lm	850 lm	Lithium	20,000	1260x120x93 mm

CHỨNG CHỈ VÀ CHỨNG NHẬN



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO9001:2015/ISO 9001:2015



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
ISO 50001:2011



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
VILAS 126



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC
RẠNG ĐÔNG**

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
ĐT: 024 3 8584310/3 8584165
Fax: 024 3 8585038
www.rangdong.com.vn

Cơ sở 2:
KCN Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: 0222 3 617398
Fax: 0222 3 617397

